

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/01/2008, thay đổi lần 1 ngày 19 tháng 05 năm 2008)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. *Trụ sở Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ*
Khu 5, thị trấn Thác Mơ, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước.
2. *Trụ sở chính Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam*
Lầu 3, 59 Quang Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
3. *Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam*
Lầu 2, 126 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, TP. HCM
4. Phụ trách công bố thông tin
Họ tên: Ông Huỳnh Văn Khánh Chức vụ: Kế toán trưởng
Số điện thoại: 0651.2216451 Fax: 0651.3778268
Website : www.tmhpp.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/01/2008, thay đổi lần 1 ngày 19 tháng 05 năm 2008)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

Tên cổ phiếu	: Cổ phiếu công ty cổ phần Thủy Điện Thác Mơ
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông.
Mệnh giá	: 10.000 VNĐ/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết	: 70.000.000 cổ phiếu (bảy mươi triệu cổ phiếu)
Tổng giá trị niêm yết	: 700.000.000.000 VNĐ (bảy trăm tỷ đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

CÔNG TY TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY)

Trụ sở: Tầng 5 – 6, Số 136 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (84 – 4) 37557 446 Fax: (84 – 4) 37557 448

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Trụ sở chính

Địa chỉ: Lầu 3, 59 Quang Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 39445888 Fax: (84.4) 39445889

Chi nhánh tại Tp.Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 126, Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (08) 3930 2320 Fax: (08) 3930 2325

Website: www.vise.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	6
1.	Rủi ro về kinh tế	6
2.	Rủi ro về luật pháp.....	7
3.	Rủi ro đặc thù ngành kinh doanh.....	7
4.	Rủi ro về biến động giá.....	8
5.	Rủi ro tỷ giá hối đoái	8
6.	Rủi ro khác.....	9
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	10
1.	Tổ chức niêm yết	10
2.	Tổ chức tư vấn	10
III.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	11
IV.	TÌNH HÌNH & ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	12
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	12
1.1	Giới thiệu về công ty.....	12
1.2	Lịch sử hình thành và phát triển	12
1.3	Những thành tích đạt được.....	13
2.	Cơ cấu tổ chức công ty	14
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty.....	15
3.1	Đại Hội đồng cổ đông.....	15
3.2	Hội đồng Quản trị	15
3.3	Ban Kiểm soát.....	15
3.4	Giám đốc	16
3.5	Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ, gồm 06 phòng:.....	16
3.6	Hai phân xưởng.....	16
4.	Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty.	17
4.1	Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tính đến ngày 18/05/2009.	17
4.2	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty.....	18
4.3	Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 18/05/2009.	18
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con	18
6.	Hoạt động kinh doanh.....	19

6.1 Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty	19
6.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm	19
6.3 Nguyên vật liệu	21
6.4 Chi phí sản xuất:	22
6.5 Trình độ công nghệ	22
6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	25
6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm	25
6.8 Hoạt động Marketing	25
6.9 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền	25
6.10 Các Dự án lớn đang thực hiện	26
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong ba năm gần nhất	26
7.1 Kết quả hoạt động kinh doanh	26
7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. ...	27
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	27
9. Chính sách đối với người lao động.....	32
9.1 Tình hình lao động hiện nay	32
9.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp	32
10. Chính sách cổ tức.....	34
11. Tình hình hoạt động tài chính.....	34
11.1 Trích khấu hao tài sản cố định.....	34
11.2 Mức thu nhập bình quân của CBCNV.....	34
11.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn	35
11.4 Các khoản phải nộp theo luật định	35
11.5 Trích lập các quỹ theo luật định	36
11.6 Tổng dư nợ vay	36
11.7 Tình hình công nợ hiện nay	38
12. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	39
13. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng.....	40
13.1 Danh sách về HĐQT: gồm 5 người	40
13.2 Danh sách về Ban kiểm soát	45
13.3 Ban Giám đốc	48
13.4 Kế toán trưởng	48
14. Tài sản.....	49
14.1 Tình hình tài sản cố định tính đến 2008	49
14.2 Đất đai Công ty đang sử dụng	49

15.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong 03 năm tiếp theo	50
16.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	52
17.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết .	52
18.	Các thông tin tranh chấp kiện tụng	52
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	53
1.	Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông	53
2.	Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu	53
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết: 70.000.000 cổ phiếu.....	53
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành	53
5.	Phương pháp tính giá.....	53
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	61
7.	Các loại thuế có liên quan.....	61
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	62
1.	TỔ CHỨC KIỂM TOÁN	62
2.	TỔ CHỨC TƯ VẤN	62
VII.	PHỤ LỤC	62

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Đối với bất kỳ quốc gia nào trên thế giới, đặc biệt tại những nước phát triển, điện năng được xem như là một công cụ phản ánh động thái của nền kinh tế một cách nhạy bén. Năng lượng điện là một trong những yếu tố đầu vào quan trọng nhất trong quá trình hình thành và tiêu thụ nhiều loại hàng hoá khác nhau từ nông nghiệp, các mặt hàng thủ công, đến các mặt hàng có chất lượng và kỹ thuật cao. Điện năng không thể thiếu được trong các vùng của các quốc gia khác nhau.

Năm 2008, Kinh tế thế giới đang từ xu hướng suy thoái kinh tế gần như phát sang suy thoái kinh tế gần với giảm phát đang là nỗi lo của các quốc gia hiện nay. Để cứu nguy cho tình hình này, hầu hết các nền kinh tế chủ chốt đã thực hiện chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa nới lỏng nhằm tăng tính thanh khoản cho thị trường, khuyến khích các Ngân hàng thương mại mở rộng cho vay, kích thích đầu tư. Để kích thích kinh tế chống lại nguy cơ giảm phát, bắt đầu từ tháng 10/2008, chính phủ Việt Nam đã liên tục chỉ đạo hạ các loại lãi suất xuống theo một lộ trình thích hợp. Lãi suất cơ bản từ mức 14%/năm sau 5 lần hạ hiện xuống còn 7%/năm. Chính phủ đã huy động mọi lực lượng chống suy thoái, và tuyên bố chỉ 1 tỷ USD hỗ trợ nền kinh tế duy trì sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm cho người lao động. Cộng với các khoản hỗ trợ vốn vay ưu đãi, giảm thuế, tổng gói kích cầu đầu tư và tiêu dùng dự kiến lên tới 6 tỷ USD.

Những năm vừa qua, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao, với mức tăng trưởng trung bình trong các năm từ 2002-2007 là từ 7,5 - 8%/năm. Trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn, Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng đáng khích lệ 6,23% trong năm 2008, và mục tiêu đề ra khoảng 6,5% năm 2009.

Để đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế trên 6,5%, năm 2009 ngành điện dự kiến khoảng 83,28 tỷ KWh điện phát ra, phân đầu đảm bảo đủ điện cho phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, điện do EVN sản xuất khoảng 57,44 tỷ KWh và điện mua từ các đơn vị ngoài EVN khoảng 25,84 tỷ KWh. Sản lượng điện thương phẩm dự kiến khoảng 74,9 tỷ KWh, phân đầu bảo đảm đủ điện cho nhu cầu ⁽¹⁾.

Đứng trước tình hình khó khăn và mục tiêu chung của Tập đoàn điện lực Việt Nam, Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ đồng lòng vượt qua khó khăn, tiết kiệm chi phí, vươn lên làm chủ thiết bị, vận hành máy móc hoạt động hiệu quả để đáp ứng nhu cầu điện năng và quản lý chi phí tốt nhất, mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Ngoài ra, Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ cũng không chịu ảnh hưởng đáng kể của những biến động trên thị trường nguyên nhiên liệu quốc tế như đối

với các nhà máy sản xuất điện năng từ các nguồn nguyên nhiên liệu như than đá, dầu khí. Do vậy, rủi ro về chu kỳ kinh tế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện thương phẩm của Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ là không đáng kể.

⁽¹⁾: Nguồn VIS research: Báo Lao động số 3 ngày 05/01/2009, phát biểu của Ông Phạm Lê Thanh - TGD Tập đoàn Điện lực VN và Web Bộ Công Thương

2. Rủi ro về luật pháp

Với hệ thống pháp luật hiện tại chưa hoàn chỉnh, khả năng vẫn có những thay đổi về chính sách ưu đãi đầu tư, thuế.... Điều này có thể có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty. Tuy nhiên, rủi ro về luật pháp đối với ngành điện không cao. Vì phát triển thủy điện là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư, nên có rất ít khả năng có những thay đổi về pháp lý theo hướng bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ.

3. Rủi ro đặc thù ngành kinh doanh

Rủi ro về điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất tới các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện. Những tháng đầu năm 2008, do thời tiết trong nước không thuận lợi, lưu lượng nước về các hồ thủy điện thấp hơn nhiều so với cùng kỳ nên sản xuất, kinh doanh và phân phối điện gặp nhiều khó khăn. Hệ thống điện thường bị thiếu hụt công suất, nhất là vào thời gian cao điểm. Chính vì vậy tình hình thiếu điện đã xảy ra ngay cả khi mùa khô đã kết thúc.

Năm 2008, số tiền EVN bỏ ra đầu tư có thể lên đến 38.817,1 tỉ đồng, phần lớn tập trung cho các dự án sản xuất điện. Nhưng số vốn này giảm đến 10% so với thực tế đầu tư trong năm 2007. Và do nhiều nguyên nhân khác nhau, có ít nhất tám dự án với tổng công suất khoảng 1.415 MW bị chậm tiến độ và chỉ có thể cung cấp điện vào năm 2009 như Nhiệt điện than Hải Phòng, Thủy điện sông Ba Hạ... Chính vì thế, dù sản lượng điện năm 2008 có tăng 13,9% so với năm 2007 - tương đương tăng hơn 9,25 tỉ kWh - nhưng con số mà EVN tăng được nhờ tự sản xuất chỉ hơn 2,53 tỉ kWh, còn lại đều phải mua ngoài. Tốc độ tăng sản lượng như vậy không thể đáp ứng đủ nhu cầu tiêu thụ - tăng bình quân khoảng 17%/năm. Theo EVN, do phải mua ngoài nên cả năm 2008, EVN có thể lỗ đến 6.068 tỉ đồng. Thời gian vừa qua các dự án điện BOT đầu tư bằng vốn nước ngoài họ chào hàng với giá tối thiểu 7,5 cent/Kwh, giá thành của họ cũng đến 7 cent - 7,2 cent. Có những dự án đàm phán đến 2 năm nay không thống nhất được giá vì giá trung bình EVN bán ra chỉ có 5,2 cent mua tới 7-8 cent thì thua lỗ. Nhưng nếu không mua ngoài, tình trạng thiếu điện sẽ càng trở nên gay gắt. Đó cũng chính là lý do khiến Bộ Công Thương đề xuất Chính phủ nên cho phép từng bước điều chỉnh giá bán điện theo cơ chế thị trường, tức sẽ phải chấp nhận chuyện tăng giá điện. ⁽²⁾

Không nằm ngoài khó khăn chung của ngành, Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ luôn cố gắng nắm vững được tình hình dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án dự phòng vận hành lòng hồ, điều độ máy móc, nhân lực để vận hành nhà máy đạt công suất cao nhất có thể và đảm bảo suất tiêu hao nước/1Kwh là thấp nhất. Ngoài ra, Công ty cũng chuẩn bị những biện pháp phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đập, đường dây truyền tải điện của nhà máy và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái. Mặc dù năm 2008, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi, nhưng trước sự thống kê thua lỗ và khó khăn chung của EVN, Công ty cũng phần nào chịu ảnh hưởng, thể hiện qua giá bán điện của Công ty cho EVN được điều chỉnh, nhưng không tăng nhiều.

⁽²⁾: Theo Kinh tế Sài Gòn đăng ngày 01/12/2008

4. Rủi ro về biến động giá

Theo xu hướng phát triển gần đây của ngành, bước đầu hình thành một thị trường phát điện cạnh tranh, là tiền đề cho khả năng cạnh tranh về giá bán điện của các nhà sản xuất cho EVN, ảnh hưởng chính đến doanh thu và lợi nhuận của Nhà máy Thủy điện Thác Mơ. Trong thời gian qua, giá bán điện cho EVN vẫn ổn định trong khung giá của Bộ Công Nghiệp, sau đó mức giá sẽ cạnh tranh khi các nhà máy sản xuất điện tham gia vào thị trường cạnh tranh.

Ngày 6-11, tại Hà Nội, Cục Điều tiết điện lực (Bộ Công thương) tổ chức Hội thảo “Hợp đồng mẫu mua bán điện và dịch vụ phụ trên thị trường phát điện cạnh tranh”. Mẫu hợp đồng mua bán điện và hợp đồng dịch vụ phụ cho thị trường phát điện cạnh tranh được xây dựng lần này sẽ đảm bảo chia sẻ rủi ro công bằng giữa các nhà máy điện, bên mua (EVN) và khách hàng tiêu thụ điện, theo đó, có giá điện tốt nhất cho khách hàng tiêu thụ điện; đồng thời khuyến khích đầu tư xây dựng trong lĩnh vực nguồn điện. Khác với cơ chế hiện tại, hợp đồng mẫu mua bán điện và dịch vụ phụ được xây dựng theo cơ chế được ký kết trước giai đoạn xây dựng nhà máy điện (*Theo trang Web của EVN*)

Theo Quyết định 21/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng thì từ 1/3/2009, giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế VAT là 948,5 đồng/kWh, tăng 8,92% so với giá điện bình quân năm 2008.

Vì vậy giá bán điện của Thác Mơ cho EVN khả năng sẽ được cải thiện, nên Công ty không có rủi ro về biến động giá theo chiều hướng giảm mà ngược lại. Vừa qua, Công ty đã được phê duyệt tăng giá điện bán cho EVN từ 404,46 đ/kWh lên 452,36 đ/kWh và bắt đầu áp dụng trong năm 2008.

5. Rủi ro tỷ giá hối đoái

Trong những năm gần đây, do chính sách ổn định tiền tệ của Nhà nước nên tỷ giá giữa đồng Việt Nam so với các ngoại tệ mạnh tương đối ổn định, mức dao động giá khá thấp, việc dự báo tỷ giá ngắn hạn cũng không quá khó khăn.

Tuy nhiên trên thị trường ngoại hối trong tháng 5/2008, với mức thâm hụt thương mại lớn, lạm phát tăng cao, cộng với những thông tin thất thiệt đánh giá về khả năng thanh toán ngoại tệ quốc gia đã làm thay đổi hành vi của các nhà đầu tư trên thị trường làm cho tỷ giá đảo chiều. Vào thời điểm cuối tháng 5 và những ngày đầu tháng 6, trên thị trường ngoại hối tỷ giá tăng hàng ngày, có những ngày tỷ giá VND/USD lên mức 19.400 đồng /USD.

Ngân hàng nhà nước Việt Nam (NHNN) đã thực hiện hàng loạt biện pháp, như nới rộng biên độ tỷ giá từ $\pm 1\%$ lên mức $\pm 2\%$ tạo sự linh hoạt tỷ giá sát với cung - cầu thị trường; thực hiện mở rộng đối tượng bán ngoại tệ cho các NHTM. Bên cạnh đó, NHNN thực hiện giám sát chặt chẽ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, cấm các tổ chức tín dụng (TCTD) không được mua - bán USD thông qua ngoại tệ khác, phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra và xử lý các hoạt động đầu cơ, kinh doanh ngoại tệ trái pháp luật trên thị trường và thiết lập đường dây nóng. Hành động này đã có tác động nâng cao kỷ luật thị trường, góp phần tích cực tạo bình ổn thị trường.

Điều này cho thấy, NHNN Việt nam sẽ có sự can thiệp kịp thời để bình ổn thị trường ngoại hối trong nước, mặt khác giá bán điện của Công ty cổ phần Thủy Điện Thác Mơ hiện nay cho EVN được tính bằng VND và Công ty không có những khoản vay/nợ liên quan đến ngoại tệ. Nên rủi ro về tỷ giá đối với Thác Mơ là không có.

6. Rủi ro khác

- Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Các rủi ro trong quá trình vận hành nhà máy thủy điện, các sự cố kỹ thuật đối với các máy móc, thiết bị, các công trình đập, hồ chứa có thể gây đình trệ hoạt động sản xuất của công ty, gây ảnh hưởng đến sự an toàn của máy móc, CBCNV và môi trường sinh thái trong khu vực tùy theo mức độ nghiêm trọng của sự cố. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty cần tham gia vào các hợp đồng bảo hiểm cho người lao động và cho tài sản. Ngoài ra, Ban lãnh đạo công ty đã nhanh chóng, kịp thời đưa ra những qui định về vận hành, chế độ sửa chữa, bảo dưỡng và kiểm tra định kỳ độ tin cậy của máy móc thiết bị. Bên cạnh đó, công ty cũng chú trọng trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động và dụng cụ an toàn cho công nhân. Chính vì thế, công ty luôn cố gắng hoàn thành nhiệm vụ về bảo đảm an toàn vận hành, chưa để xảy ra sự cố đáng tiếc nào về kỹ thuật và an toàn lao động.
- Đến thời điểm này, Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ chưa nhận được Quyết định xác định giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chuyển thành Công ty cổ phần của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, ngày 18/03/2009, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã có công văn số 870/EVN-TCKT xác nhận thời điểm trong Quý 2/2009 sẽ hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hóa Công ty Thủy điện Thác Mơ.

Đồng thời, Căn cứ vào Quyết định số 3948/QĐ-BCN ngày 29/12/2006 phê duyệt cơ cấu vốn của công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ. Theo đó, Vốn điều lệ của công ty là 700 tỷ. Và ngày 01/01/2008, Công ty đã chính thức được Sở kế hoạch & đầu tư Tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với số Vốn điều lệ 700 tỷ đồng. Chính vì thế, công tác quyết toán cổ phần hóa sẽ vẫn giữ nguyên Vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ là 700 tỷ đồng, chỉ điều chỉnh phần vốn vay từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông: NGUYỄN THANH PHÚ

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông: LÊ TUẤN HẢI

Chức vụ: Giám đốc

Ông: HUỲNH VĂN KHÁNH

Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông: CAO CHÍ MINH HÙNG

Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Ông: PHẠM LINH

Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán Quốc Tế Việt Nam

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Thủy Điện Thác Mơ. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Thủy Điện Thác Mơ cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

- “*Bản cáo bạch*”: là bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư tham khảo, đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán;
- “*Vốn điều lệ*”: là số vốn do tất cả cổ đông góp và cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ của Công ty;
- “*Cổ phần*”: là phần vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau;
- “*Cổ phiếu*”: là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.
- “*Cổ đông*”: là tổ chức hoặc cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Công ty
- “*Cổ tức*”: là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính;
- “*Năm tài chính*”: là năm mười hai tháng được tính từ 00 giờ ngày 01 tháng 01 đến 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm.
- UBCKNN : Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- SGDCK : Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
- EVN : Tập đoàn Điện lực Việt Nam
- UBND : Ủy Ban nhân dân
- NHNN : Ngân hàng nhà nước Việt Nam
- Công ty : Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ
- TMHPC : Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ
- VIS : Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- CBCNV : Cán bộ công nhân viên
- CSTT : Chính sách tiền tệ
- Tổ chức niêm yết : Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ
- Tổ chức tư vấn : Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam
- KWh : Kilowatt - giờ, đơn vị năng lượng tương đương 3.600.000 Jun (J)
- MWh : Megawatt - giờ, đơn vị năng lượng tương đương 10³ KWh
- KW : Kilowatt, đơn vị công suất
- MW : Megawatt, đơn vị công suất tương đương 10³KW

IV. TÌNH HÌNH & ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu về công ty

- Tên giao dịch tiếng việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN THÁC MƠ
- Tên giao dịch quốc tế: THAC MO HYDRO POWER JOINT STOCK COMPANY
- Tên giao dịch viết tắt: TMHPC
- Vốn điều lệ: 700.000.000.000 đồng (bảy trăm tỷ đồng)
- Trụ sở chính:
 - Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Thác Mơ, Huyện Phước Long, Tỉnh Bình Phước
 - Điện thoại: (0651) 2216308
 - Fax: (0651) 3778268
 - Website: www.tmhpp.com.vn

1.2 Lịch sử hình thành và phát triển



- Nhà máy Thủy Điện Thác Mơ (nay là Công ty cổ phần Thủy Điện Thác Mơ) được thành lập theo Quyết định số 361 NL/TCCB – LĐ ngày 11/06/1994 của Bộ Năng lượng, là đơn vị trực thuộc Công ty Điện lực 2;
- Kể từ ngày 04/03/1995 Nhà máy là đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 125/NL/TCCB-LĐ của Bộ Năng lượng;
- Ngày 30/03/2005 Bộ Công nghiệp có quyết định số 17/2005/QĐ-BCN chuyển Nhà máy Thủy Điện Thác Mơ thành công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam;

- Ngày 26 tháng 8 năm 2005 Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) đã có Quyết định số: 2747/QĐ-BCN về việc cổ phần hóa Công ty Thủy Điện Thác Mơ;
- Ngày 20 tháng 09 năm 2006 Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) đã có Quyết định số 2592/QĐ-BCN về việc xác định giá trị doanh nghiệp Công ty Thủy Điện Thác Mơ thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam để cổ phần hóa;
- Ngày 29/12/2006 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã có Quyết định số: 3948/QĐ-BCN về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thủy Điện Thác Mơ thành Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ;
- Ngày 29/03/2007 tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty đã tổ chức buổi bán đấu giá cổ phần của Công ty Thủy Điện Thác Mơ lần đầu ra bên ngoài;
- Ngày 27/09/2007 Bộ Công thương có Công văn số 1517/BCT-TTCTB đồng ý cho công ty tổ chức Đại hội cổ đông thành lập Công ty cổ phần Thủy Điện Thác Mơ;
- Ngày 07/11/2007 Công ty đã tiến hành Đại hội cổ đông thành lập Công ty cổ phần Thủy Điện Thác Mơ và thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Thủy Điện Thác Mơ;
- Ngày 01/01/2008 công ty được Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh với số vốn Điều lệ 700 tỷ đồng. Và Công ty đăng ký thay đổi bổ sung một số ngành nghề kinh doanh mới theo giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần 01 ngày 19 tháng 05 năm 2008 và Vốn điều lệ vẫn là 700 tỷ đồng;
- Ngày 26/03/2008 công ty được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp Giấy chứng nhận Công ty Đại Chứng theo số 34/CQĐD-UBCKNN.

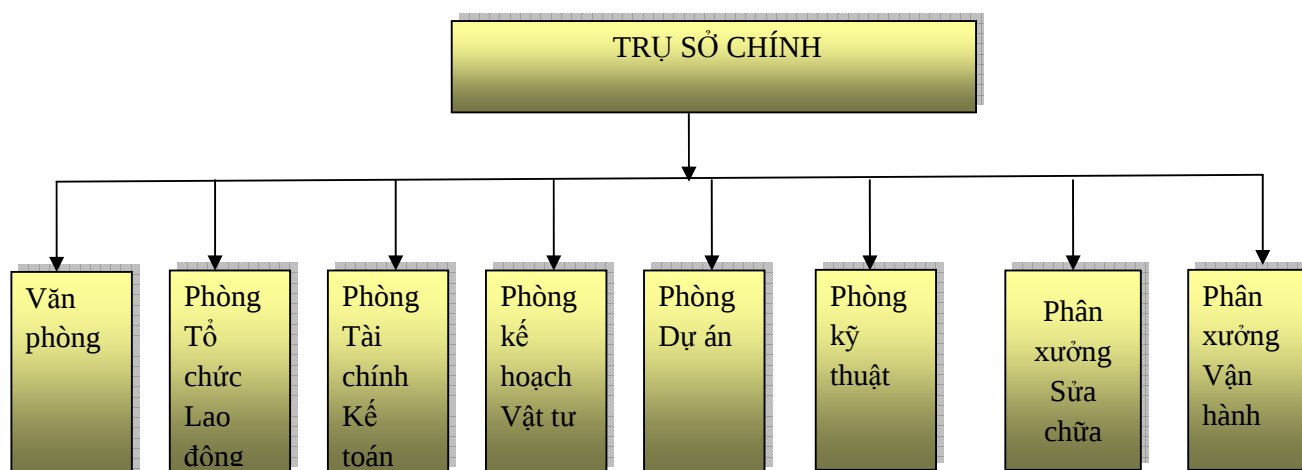
1.3 Những thành tích đạt được

- Năm 2000, Nhà máy Thủy Điện Thác Mơ nhận được Huân chương Lao Động hạn 3 vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 1996 đến năm 2000, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ Nghĩa Xã Hội & Bảo vệ Tổ Quốc, do Chủ tịch Nước Trần Đức Lương trao tặng.



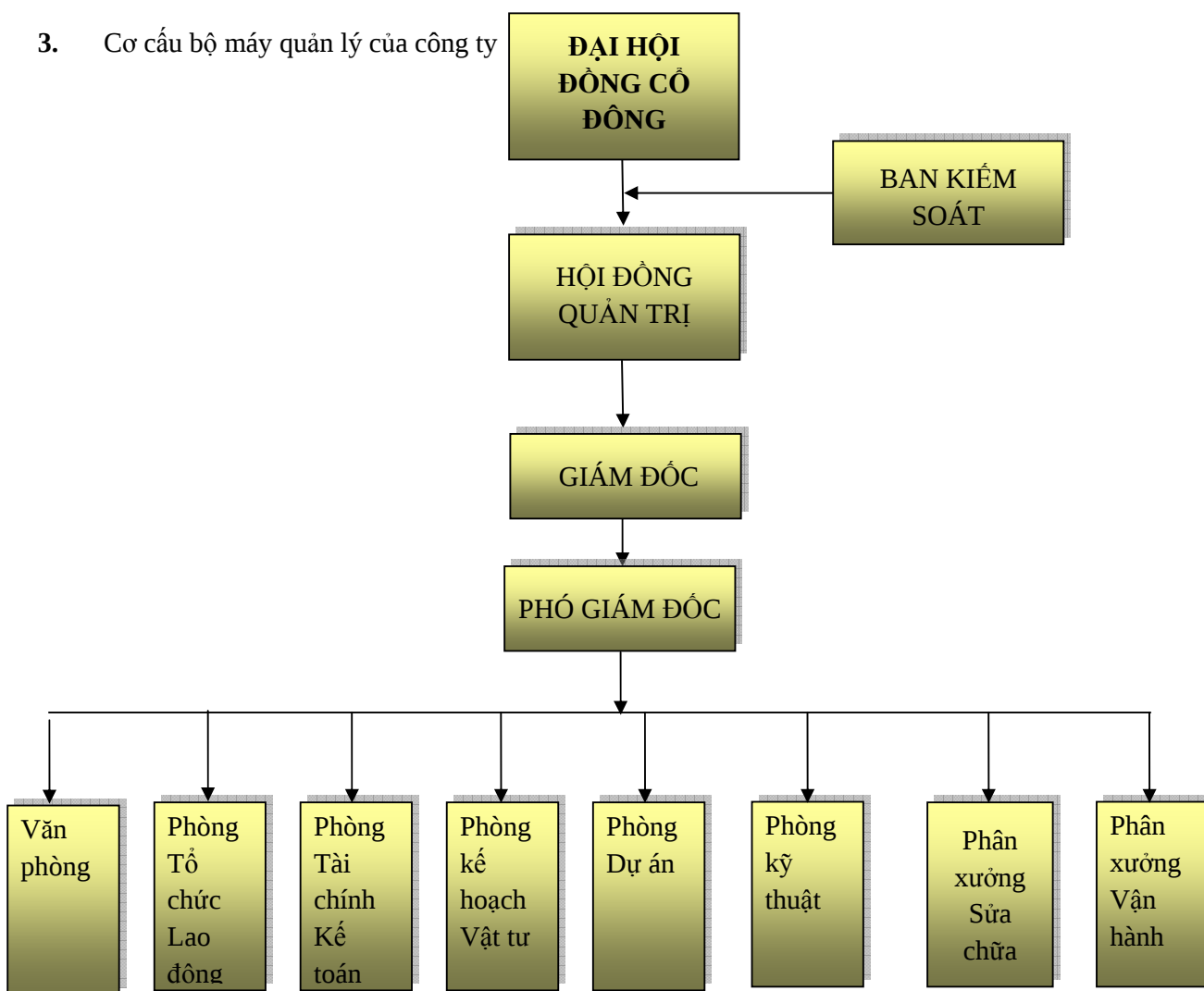
2. Cơ cấu tổ chức công ty

- Hiện nay, Công ty chưa có công ty con trực thuộc, chi nhánh hay văn phòng đại diện
- Mô hình tổ chức được sắp xếp theo sơ đồ sau:



- Trụ sở chính:
 - Địa chỉ: Khu 5, Thị trấn Thác Mơ, Huyện Phước Long, Tỉnh Bình Phước
 - Điện thoại: (0651) 2216308
 - Fax: (0651) 3778268

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty



3.1 Đại Hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông là tổ chức quyền lực có thẩm quyền cao nhất của Công ty theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

3.2 Hội đồng Quản trị

- Số thành viên của HĐQT gồm 05 thành viên. Hội đồng Quản trị Công ty là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi và hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng các kế hoạch kinh doanh, đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

3.3 Ban Kiểm soát

- Số thành viên của BKS gồm 03 thành viên. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính và kiểm tra nội bộ của Công ty.

3.4 Giám đốc

- Giám đốc là người có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty; song song đó là người tham mưu cho Hội đồng quản trị về mặt hoạch định các mục tiêu, chính sách. Hỗ trợ điều hành cho Giám đốc là Kế toán trưởng và các phòng ban nghiệp vụ.

3.5 Các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ, gồm 06 phòng:

- Văn phòng:
 - Tham mưu giúp Giám đốc chỉ đạo quản lý tài sản, thiết bị văn phòng. Quản lý và sắp xếp các công việc liên quan đến hành chính và văn thư lưu trữ, thi đua tuyên truyền, hành chính quản trị, lễ tân phục vụ, y tế, đời sống CBCNV của Công ty.
- Phòng Tổ chức – Lao động:
 - Tham mưu giúp Giám đốc quản lý nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, lao động tiền lương tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực, chế độ BHXH, BHYT, Bảo hộ lao động. Thực hiện công tác đánh giá nhân sự định kỳ và tham mưu cho Ban Giám đốc trong việc tuyển dụng và sắp xếp nhân sự cao cấp.
- Phòng Kế hoạch – Vật tư:
 - Tham mưu giúp Giám đốc trong công tác kế hoạch vật tư, nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất của Công ty, thống kê, tổng hợp, công tác dự toán đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn các công trình, thiết bị. Trực tiếp quản lý và cung ứng vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh; quản lý, điều hành phương tiện vận tải của Công ty.
- Phòng Kỹ thuật:
 - Tham mưu giúp Giám đốc trong công tác quản lý kỹ thuật, phương thức vận hành nâng cấp và mở rộng sản xuất, điều hành sản xuất; công tác kỹ thuật an toàn bảo hộ lao động, phòng chống lụt bão.
- Phòng Tài chính kế toán:
 - Là bộ phận nghiệp vụ chuyên môn trong tổ chức của Công ty, trực thuộc Giám đốc Công ty. Thực hiện chức năng chuyên môn về tài chính, kế toán theo quy định của “Luật Kế toán”. Các chức năng cụ thể như sau: Đề xuất với Giám đốc Công ty về công tác quản lý tài chính, kế toán, thống kê của Công ty. Lập, lưu trữ, kiểm tra, kiểm soát toàn bộ các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực Tài chính- Kế toán tại Công ty theo đúng qui định của Nhà nước.
- Phòng Dự án:
 - Là bộ phận trực thuộc Giám đốc Công ty. Phòng Dự án có chức năng và nhiệm vụ: đề xuất với Giám đốc Công ty về công tác phát triển các dự án mới và quản lý kỹ thuật xây dựng các dự án do Công ty làm chủ đầu tư xây dựng; chịu trách nhiệm về việc phát triển các dự án đầu tư của Công ty, công tác xây dựng cơ bản của Công ty theo đúng các quy định về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản hiện hành của Nhà Nước.

3.6 Hai phân xưởng

- Phân xưởng vận hành: Là đơn vị trực tiếp sản xuất, phân xưởng vận hành có chức năng trực tiếp quản lý, vận hành dây chuyền sản xuất điện theo quy trình, quy phạm, kế hoạch và phương thức huy động của điều độ các cấp và theo kế hoạch của Công ty giao đồng thời phối hợp với các đơn vị để đảm bảo vận hành an toàn liên tục cho 2 tổ máy.

- Phân xưởng Sửa chữa: Phân xưởng Sửa chữa có chức năng theo dõi, kiểm tra, bảo dưỡng, thực hiện công tác đại tu, sửa chữa các thiết bị công trình, hệ thống thiết bị vận hành của Công ty. Quản lý và bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống các công trình thủy công, công trình kiến trúc.



4. Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty.
- 4.1 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ tính đến ngày 18/05/2009.

Bảng 1: Danh sách cổ đông sáng lập

ST T	Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần phổ thông	Tỷ lệ góp vốn	Số CMND/ ĐKKD
1	Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam	Số 18 Trần Nguyên Hãn, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	55.941.500	79,92%	0106000804
2	Nguyễn Thanh Phú	17 B1 khu phố 1, Bửu Long, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	20.000	0,028%	271019942
3	Lê Tuấn Hải	Khu 6, thị trấn Thác Mơ, huyện Phước Long, tỉnh Bình Phước	900	0,0013%	285181501
	Tổng cộng		55.962.400	79,95%	

4.2 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty.

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần tính đến ngày 18/05/2009

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn điện lực Việt Nam	Số 18 Trần Nguyên Hãn, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	55.941.500	79,92%
	Tổng cộng		55.941.500	79,92%

4.3 Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 18/05/2009.

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông

STT	Cơ cấu	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1.	Cổ đông nhà nước	55.941.500	79,92%
2.	Cổ đông nội bộ (HĐQT, Giám đốc, BKS, KTT)	47.490	0,067%
3	Cổ đông trong công ty:	173.429	0,248%
	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
	<i>Cán bộ công nhân viên</i>	<i>173.429</i>	<i>0,248%</i>
4	Cổ đông ngoài công ty:	13.837.581	19,76%
	Cá nhân trong nước	4.385.117	6,264%
	Cá nhân nước ngoài	32.000	0,046%
	Tổ chức trong nước	7.728.072	11,040%
	Tổ chức nước ngoài	1.692.392	2,418%
	Tổng cộng	70.000.000	100%

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con

- Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ: Tập đoàn điện lực Việt Nam đang nắm cổ phần chi phối (79,92% cổ phần)
- Những công ty mà Công ty cổ phần Thủy Điện Thác Mơ nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 4403000108 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 01/01/2008, thay đổi lần 1 ngày 19/05/2008. Ngành nghề kinh doanh bao gồm:

Bảng 4: Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành (theo phân ngành kinh tế quốc dân)
01	Hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng	3510
02	Quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo và lắp đặt các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy điện	4329
03	Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện	8532
04	Mua bán, xuất nhập khẩu vật tư thiết bị	4659
05	Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, giám sát thi công xây lắp	7110
06	Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị điện	7120
07	Đầu tư xây dựng các dự án nguồn điện; Xây lắp đường dây và trạm biến áp	4290
08	Kinh doanh bất động sản. Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng	6810
09	Khai thác, lọc nước và kinh doanh dịch vụ cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp	
10	Sản xuất và kinh doanh nước uống tinh khiết	1104
11	Kinh doanh vận tải hàng hóa đường bộ	4933
12	Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy	5022
13	Trồng khai thác cây nông nghiệp	0129
14	Trồng khai thác cây lâm nghiệp	0210
15	Kinh doanh vận tải hành khách đường bộ	4933
16	Kinh doanh vận tải hành khách đường thủy	5012
17	Cho thuê phương tiện giao thông	7710
18	Kinh doanh dịch vụ kho hàng, bến bãi	5210
19	Xây dựng dân dụng và công nghiệp	4100
20	Chế tạo, thí nghiệm thiết bị điện, cơ khí, quan trắc công trình. Thí nghiệm các sản phẩm dầu mỡ sử dụng trong nhà máy điện	7120
21	Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ	5510
22	Kinh doanh dịch vụ du lịch	7920

6.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

- Công ty Thủy Điện Thác Mơ có công suất thiết kế là 150 MW (75MW*2 tổ máy) với thiết bị công nghệ sản xuất của Ucraina, sản phẩm chủ yếu của công ty là điện năng. Theo thiết kế, sản lượng điện sản xuất hằng năm của Công ty là 610 triệu kWh. Thị trường tiêu thụ điện năng của Công ty chủ yếu là các tỉnh miền Đông Nam Bộ như Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Tây Ninh.

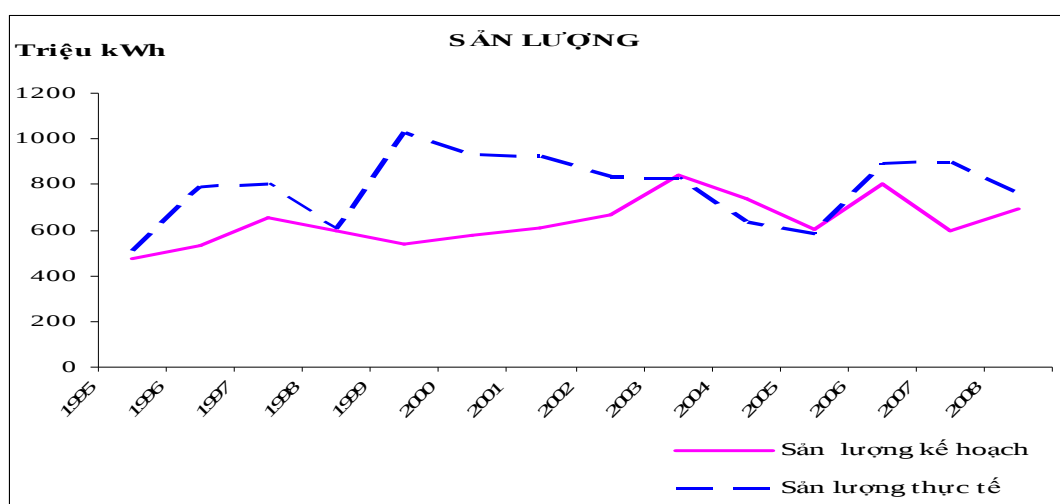
- Sản lượng điện Công ty sản xuất từ năm 1995 đến năm 2008 chi tiết như sau:

Bảng 5: Sản lượng điện qua các năm

Đơn vị tính: Triệu kWh

Năm	1995	1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008
Sản lượng kế hoạch	478	530	653	600	540	580	610	665	840	741	605	800	600	692
Sản lượng thực tế	510	787	800	601	1026	932	926	833	830	637	585	895	900	761

Nguồn: Công ty cổ phần Thủy Điện Thác Mơ



Hiện nay, ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng là chủ yếu, Công ty còn cung cấp các dịch vụ thiết kế và thi công các công trình điện; lắp đặt, sửa chữa thiết bị lưới điện, tư vấn thiết kế công nghệ nhà máy thủy điện, đào tạo đội ngũ cán bộ vận hành, quản lý các dự án thủy điện và một số dịch vụ khác liên quan đến ngành điện. Các hoạt động kinh doanh này đã mang lại doanh thu, góp phần bổ sung vào tổng doanh thu của công ty. Tuy vậy, doanh thu từ sản xuất kinh doanh điện năng vẫn chiếm tỷ trọng chính, trung bình khoảng 97% tổng doanh thu của Thác Mơ.

Bảng 6: Giá trị sản phẩm dịch vụ qua các năm

Đơn vị: Triệu đồng, %

Khoản mục	Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán điện	113.606	99,68%	153.340	97,13%	342.535	99,86%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	363	0,32%	4.533	2,87%	467	0,14%
Tổng	113.969	100%	157.873	100%	343.002	100%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2006-2007-2008.

6.3 Nguyên vật liệu



Nguyên liệu đầu vào của các nhà máy thủy điện là nguồn nước thiên nhiên. Vì vậy lưu lượng, độ ổn định của nguồn nước cùng với điều kiện thời tiết là những yếu tố chính quyết định tới sản lượng, doanh thu và lợi nhuận của các nhà máy thủy điện.

Với đặc điểm địa lý của đất nước có nhiều đồi núi, cao nguyên và sông hồ, lại có mưa nhiều nên hàng năm mạng lưới sông suối vận chuyển ra biển hơn 870 tỷ m³ nước, tương ứng với lưu lượng trung bình khoảng 37.500m³/giây, rất thuận lợi cho việc phát triển các nhà máy thủy điện (bkeps.com).

Nhà máy thủy điện Thác Mơ nằm trên địa bàn tỉnh Bình Phước, thuộc vùng Đông Nam Bộ. Công suất hoạt động và sản lượng của nhà máy phụ thuộc vào nguồn nước tự nhiên từ sông Bé và nhánh sông Đăk Huýt, nằm trên địa bàn huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Để tận dụng triệt để tiềm năng thủy điện của sông Bé, các bậc thang sông Bé đã được quy hoạch khá trọn vẹn, gồm 4 bậc thang là Thác Mơ, Cần Đơn, Srok Phu Miêng và Phước Hòa. Hiện đã có 03 nhà máy thủy điện là Thác Mơ, Cần Đơn và Srok Phu Miêng được xây dựng và chính thức hòa vào lưới điện quốc gia

Lượng nước trung bình về từ các nguồn cung cấp là tương đối ổn định qua các năm. Do đặc thù của nhà máy thủy điện là sản lượng thực hiện phụ thuộc vào thời tiết nên sản lượng điện hàng năm nhà máy sản xuất được lại tập trung chủ yếu vào mùa mưa (từ tháng 7 tới tháng 10 hàng năm). Yếu tố đặc thù của nguồn nguyên liệu đầu vào như vậy đòi hỏi nhà máy phải nắm vững được tình hình dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án dự phòng vận hành lòng hồ, điều độ máy móc, nhân lực nhằm vận hành nhà máy đạt công suất và mang lại hiệu quả cao nhất. Vì thế công ty đã chú trọng đầu tư, xây dựng Hồ chứa, Đập chứa nước để dự trữ nguồn nước vào mùa mưa và đủ để vận hành liên tục cả năm, kể cả mùa khô.

6.4 Chi phí sản xuất:

Bảng 7: Tổng hợp các khoản chi phí

Đơn vị: triệu đồng, %

Chi phí	Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008	
	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT	Giá trị	%/DTT
1. Giá vốn hàng bán	102.445	89,8885%	79.014	50,05%	162.240	47,30%
2. Chi phí bán hàng						
3. Chi phí quản lý DN	8.147	7,1484%	7.178	4,55%	8.868	2,59%
4. Chi phí tài chính			6.394	4,05%	85.709	24,99%
5. Chi phí khác	2,95	0,0026%	299	0,19%	228	0,07%
Tổng chi phí (1+2+3+4+5)	110.594,95	97,0395%	92.885	58,84%	257.045	74,95%
Doanh thu thuần	113.969		157.873		343.002	

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2006-2007-2008

- Tỷ lệ % tổng chi phí trên doanh thu thuần của công ty qua các năm 2006, 2007 và 2008 lần lượt là 97%, 58,84% và 74,95%. Trong đó chi phí giá vốn hàng bán là chủ yếu, chiếm tỷ trọng trên doanh thu thuần lần lượt qua các năm 90%, 50%, 47%.

Chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu thuần giảm dần qua các năm 2006 - 2008 từ 7% - 3%.

- Do sản phẩm chính của Công ty hiện nay là điện thương phẩm đã được EVN đảm bảo đầu ra nên Công ty không phát sinh các khoản chi phí marketing, xúc tiến thương mại và chi phí bán hàng. Đây là một lợi thế của Công ty trong việc giảm thiểu chi phí sản xuất, nâng cao lợi nhuận hằng năm.

6.5 Trình độ công nghệ



Tình trạng máy móc, thông số kỹ thuật chủ yếu trang thiết bị chính:

- **Hồ chứa:**
 - Diện tích mặt hồ tại mực nước dâng bình thường: 109 km²
 - Dung tích hữu ích: 1,25*10⁹ m³
 - Mực nước dâng bình thường: 218m
 - Mực nước chết: 198m
 - Dòng chảy trung bình năm: 87,4 m³/s
- **Đập chứa:**
 - Loại: đập đất đá đổ
 - Cao độ đỉnh đập: 23,5 m
 - Cao trình tường chắn song: 224,5 m
 - Chiều dài đỉnh đập: 464 m
 - Chiều cao đập: 46 m
- **Đập tràn:**
 - Loại: Mặt cắt tràn có dạng Ophisêrôp loại không chân không
 - Số khoang: 4
 - Kích thước cửa: (11*11) m
 - Cao trình ngưỡng: 207 m
 - Q xả:
 - Ứng với lũ P = 0,1% (Lưu lượng kiểm tra) Q xả = 6.100m³/s; Sau khi điều tiết: Q xả = 4.122m³/s
 - Ứng với P = 0,5% (Lưu lượng thiết kế) Q xả: 4.900m³/s; Sau khi điều tiết: Q xả = 3.720m³/s
 - Đập tràn cho phép:
 - Tần suất 0,5%; Q xả = 4.900m³/s; mực nước 220 m
 - Tần suất 0,1%; Q xả = 6.100m³/s; mực nước 220,8 m
- **Đường ống áp lực:**
 - Loại: Đường ống thép - ống thép bọc trong bê tông cốt thép
 - Số lượng: 02 cái
 - Đường kính trong: 4,7 m
 - Chiều dài: 590 m
- **Máy phát điện:**
 - Loại: CB710/180-30 TB4
 - Số lượng: 02 cái

- | | |
|---------------------|---------|
| Nước sản xuất: | Ukraine |
| Công suất định mức: | 88,2MW |
| Tần số định mức: | 50Hz |
| Hiệu suất: | 98% |
- *Turbine:*
- | | |
|--|----------------------|
| Loại: | Francis/PO-115-B-325 |
| Nước sản xuất: | Ukraine |
| Số lượng: | 02 |
| Tốc độ: | 200 vòng /phút |
| Hiệu suất tối đa: | 94,8% |
| Cột áp tính toán: | 90 m |
| Cột áp lớn nhất: | 104,9 m |
| Cột áp nhỏ nhất: | 83,3 m |
| Cột áp trung bình: | 98,7 m |
| Lưu lượng nước qua turbine ở công suất định mức và cột nước tính toán: | 93m ³ /s |
| Công suất turbine: | |
| Định mức ở cột áp tính toán: | 77,5 MW |
| Lớn nhất ở cột áp 95 m & cao hơn: | 80 MW |
- Máy biến áp chính:
- | | |
|---------------------|------------------|
| Kiểu: | T 88000/110 – T1 |
| Hãng sản xuất: | Ukraine |
| Công suất định mức: | KVA 88000 |
| Điện áp định mức: | 121/13,8kV |
| Tần số định mức: | 50Hz. |



6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

- Bên cạnh mục tiêu duy trì và phát triển các ngành nghề hiện có, Công ty còn chú trọng việc đa dạng hóa ngành nghề, tham gia đầu tư dài hạn vào các dự án nguồn điện có mức lãi suất cao và mang tính ổn định như các dự án thủy điện, nhiệt điện và năng lượng mới... Với tiềm lực vốn hiện có cùng kinh nghiệm 14 năm trong xây dựng, vận hành nhà máy thủy điện. Công ty dự định tìm kiếm, nghiên cứu cơ hội tham gia đầu tư cơ sở hạ tầng vào các khu Công nghiệp, góp vốn thành lập công ty cổ phần với chức năng thực hiện các dịch vụ tư vấn Giám sát lắp đặt thiết bị, đào tạo, quản lý vận hành cho các đơn vị bạn và các dự án xây dựng nhà máy điện hiện nay để tăng thêm thu nhập cho công ty, bắt kịp xu thế chung của ngành.
- Đối với hoạt động nghiên cứu phát triển, yếu tố con người đóng vai trò rất quan trọng. Nhân viên bộ phận kỹ thuật là những cán bộ được đào tạo chính quy, có chuyên môn kỹ thuật, trình độ tay nghề cao và kinh nghiệm làm việc lâu năm. Cán bộ công nhân viên cũng thường xuyên được bồi dưỡng, đào tạo để tiếp cận với những thông tin mới nhất về sản phẩm, kỹ thuật, công nghệ mới và xu hướng của thị trường,... Hiện nay, cán bộ kỹ thuật của Công ty đã có thể tự lắp đặt, vận hành được các máy móc thiết bị hiện đại và tiếp cận, vận dụng những công nghệ mới chỉ trong thời gian ngắn.

6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

- Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty: Hội đồng nhiệm thu, trong đó phòng Kỹ thuật đóng vai trò chủ chốt.
- Do sản phẩm mà Công ty cung cấp là điện thương phẩm, công tác quản lý chất lượng của Công ty tập trung vào đảm bảo chất lượng điện cung cấp (tần số, điện áp, mức độ ổn định lưới điện...), an toàn kỹ thuật trong vận hành máy móc, các công trình đập, hồ chứa và đảm bảo an toàn lao động. Ngoài việc kiểm tra định kỳ độ tin cậy và an toàn của tất cả các thiết bị, phương tiện, các công trình thủy nông, đội ngũ cán bộ vận hành nhà máy còn được huấn luyện thành thực để có thể nhanh chóng khắc phục các sự cố, đảm bảo sự liên tục và ổn định trong việc cung cấp điện cho lưới điện quốc gia.
- Công ty dự kiến sẽ xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2000 cho bộ máy quản lý điều hành trong toàn công ty.

6.8 Hoạt động Marketing

- Ngành điện có thị trường rộng lớn khắp cả nước, khách hàng tiêu thụ cuối cùng là mọi hộ gia đình, tất cả các cơ quan, xí nghiệp, văn phòng ... Tuy nhiên hiện nay ngành điện là ngành kinh tế độc quyền: chỉ có EVN là người mua điện duy nhất và cũng là người bán điện duy nhất đến người tiêu dùng. Và sản phẩm của Công ty thuần túy là điện năng nên hoạt động Marketing của Công ty sẽ tập trung cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác mà Công ty dự định phát triển trong tương lai. Cụ thể, Công ty xác định sẽ từng bước hình thành và đẩy mạnh công tác tiếp thị ở một số lĩnh vực như: Cung cấp dịch vụ tư vấn, lắp đặt thiết bị điện; thiết kế công nghệ các nhà máy thủy điện; đào tạo, cung cấp dịch vụ đào tạo cán bộ vận hành và quản lý nhà máy thủy điện. Địa bàn hoạt động sẽ tập trung chủ yếu vào khu vực miền trung và miền nam. Công ty cũng đang xúc tiến mở văn phòng đại diện tại thị xã Đồng Xoài để tìm kiếm những cơ hội hợp tác, đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh.

6.9 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ 01/01/2008, đến nay công ty chưa đăng ký nhãn hiệu thương mại hay đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

6.10 Các Dự án lớn đang thực hiện

Bảng 8: Các Dự án đang thực hiện

STT	Dự án	Theo văn bản pháp lý, Quyết Định	Vốn góp đầu tư (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp	Tư cách	Thời gian góp vốn (năm)
1	Thủy Điện Srêpôk	QĐ số 982/QĐ-EVN-HĐQT ngày 22/11/2007 của Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam V/v cử người Tham gia góp vốn thành lập Cty CP TĐ Srêpôk	36	1%	Cổ đông thông thường	2008- 2010
2	Thủy Điện Sesan 4	QĐ số 980/QĐ-EVN-HĐQT ngày 22/11/2007 của Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam V/v cử người Tham gia góp vốn thành lập Cty CP TĐ Sesan4	33,26	1,99%	Cổ đông thông thường	2008-2010

Cả hai dự án Thủy điện trên đều trong giai đoạn hoàn thiện xây dựng và lắp đặt các tổ máy phát điện để có thể vận hành đi vào hoạt động từ năm 2009 – 2010.

Riêng Dự án Thủy điện Sprôk, đã có một tổ máy chính thức hoạt động phát điện từ Tháng 03/2009. Các Tổ máy còn lại của dự án này sẽ lần lượt phát điện từ tháng 08 năm 2009 đến tháng 12, năm 2010.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong ba năm gần nhất

7.1 Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 09: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của công ty

Đơn vị: triệu đồng,%

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008	% tăng giảm (2007-2006)	% tăng giảm (2008-2007)
Tổng giá trị tài sản	1.453.279	1.516.816	1.593.959	4,37%	5,09%
Doanh thu thuần	113.969	157.873	343.002	38,52%	117,26%
Lợi nhuận gộp	11.524	78.859	180.762	584,30%	129,22%
Lợi nhuận từ HĐKD	3.737	66.548	95.897	1.680,79%	44,10%
Lợi nhuận khác	0,55	140	36	25.354,55%	-74,29%
Lợi nhuận trước thuế	3.738	66.687	95.933	1.684,03%	43,86%
Lợi nhuận sau thuế	2.691	48.008	69.072	1.684,02%	43,88%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2006-2007-2008

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Do đặc thù lĩnh vực công ty hoạt động là Thủy điện, nên nhân tố quan trọng hàng đầu ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty là điều kiện thời tiết, lượng mưa trong năm sẽ có ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng hằng năm của năm đó. Nhận thấy rõ tầm quan trọng này, công ty đầu tư hồ chứa, đập chứa nước nhằm khai thác triệt để và điều tiết nguồn nước sử dụng đều đặn cho cả năm. Chính vì thế, sản lượng điện năng của công ty hầu như vượt kế hoạch từ năm 1995 -2008.
- Doanh thu qua các năm phụ thuộc khá lớn vào sản lượng điện và giá bán cho Tập đoàn điện lực Việt Nam.
- Một nhân tố khác cũng gây ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là khoản mục khấu hao Tài sản cố định. Một kỳ vọng tương đối lớn của các nhà đầu tư dành cho các công ty điện niêm yết chính là luồng tiền các công ty có được do khấu hao và một phần lợi nhuận để lại hằng năm. Công ty có thể sử dụng luồng tiền này để thanh toán nợ vay, tiết kiệm chi phí lãi vay hoặc tham gia xây dựng nhà máy, đầu tư vào các dự án mới. Vì đầu tư máy móc, trang thiết bị ban đầu cho một nhà máy thủy điện là khá lớn, phần nào ảnh hưởng đến giá vốn hàng bán của Công ty. Do sản phẩm của Công ty được đảm bảo bởi EVN nên Công ty không phát sinh chi phí bán hàng, góp phần giảm thiểu chi phí, gia tăng lợi nhuận cho Công ty.
- Ngoài ra công tác quản lý, điều hành đóng vai trò khá quan trọng trong quá trình hoạt động kinh doanh của công ty. Hội đồng quản trị công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã có nhiều cố gắng nỗ lực trong việc chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của công ty. Tổ chức triển khai kịp thời Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông, soạn thảo và ban hành kịp thời các quy chế quản lý nội bộ, các quy định, quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật để phục vụ công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, từng bước đưa hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đi vào ổn định và có hiệu quả. Giám Đốc Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện và đạt được một số kết quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, mang lại doanh thu và lợi nhuận cho công ty. Điều này thể hiện qua Lợi nhuận sau thuế của Công ty từ năm 2006 –2008 lần lượt là 2,6 tỷ, 48 tỷ và 69 tỷ đồng.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.

Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ có nhiệm vụ chính là sản xuất điện năng, cung cấp điện cho các tỉnh miền Đông Nam Bộ như Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Tây Ninh và góp phần chống quá tải cho các trạm biến áp khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Thủy Điện Thác Mơ có công suất thiết kế là 150 MW (75MW*2 tổ máy) với thiết bị công nghệ sản xuất của Ukraina. Theo thiết kế, sản lượng điện sản xuất hằng năm của Công ty là 610 triệu kWh.

Vị thế của công ty trong ngành

Bảng 10: Các Công ty cổ phần Thủy điện đã niêm yết

Đvt: triệu đồng

Đơn vị: triệu đồng	Thời điểm	Vĩnh Sơn	Thác Bà	Nậm Mu	Nà Lơi	Thác Mơ
Công suất thiết kế (MW)		136	120	12	9,3	150
Vốn điều lệ	31/12/2008	1.374.942	635.000	60.000	50.000	700.000
Vốn chủ sở hữu	31/12/2008	2.142.314	785.546	78.908	87.807	780.285
Doanh thu	31/12/2008	483.680	244.566	37.809	45.218	343.002
Lợi nhuận sau thuế	31/12/2008	370.841	155.283	9.172	20.667	69.072

Nguồn VIS research

- Lợi thế cạnh tranh nổi bật đầu tiên của Công ty so với các công ty cổ phần thủy điện đã niêm yết là có công suất thiết kế lớn nhất (150 MW) do đó khi giá bán điện được cải thiện theo chiều hướng tăng lên thì doanh số của công ty sẽ tăng cùng với sản lượng tăng mỗi năm của công ty.
- Bên cạnh đó, công ty có nguồn vốn mạnh, vốn điều lệ của công ty xếp thứ hai trong các công ty cổ phần thủy điện được niêm yết và hệ thống thiết bị máy móc, công nghệ tiên tiến. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ kỹ thuật của nhà máy có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm đã làm chủ được hoàn toàn công nghệ nên nhà máy luôn được vận hành an toàn, đạt hiệu quả sản xuất cao.
- Năm 2002, nhằm nâng cao năng lực sản xuất điện của Công ty, Công ty được Tổng công ty Điện lực Việt Nam giao nhiệm vụ ký kết hợp đồng với Công ty Tư vấn xây dựng điện 2 (PECC2) lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Nhà máy Thủy Điện Thác Mơ mở rộng trên sông Bé. Ngày 25/08/2005, Tổng công ty Điện lực Việt Nam ra Quyết định số 459/QĐ-EVN-HĐQT về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật Nhà máy Thủy Điện Thác Mơ mở rộng với công suất lắp máy 75MW, để tận dụng nước xả tràn hồ, nên tổ máy này dự kiến sản lượng điện bình quân đạt được 52 triệu kWh/năm;

Bảng 11 : Phân tích Công ty theo mô hình SWOT

Thuận lợi	Khó khăn
- Công ty vừa được phê duyệt tăng giá bán điện cho EVN từ 404,46 đ/kWh lên 452,36 đ/kWh và bắt đầu áp dụng trong năm 2008. - Sau khi cổ phần hóa, công ty sẽ tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, có khả năng mở rộng ngành nghề kinh doanh mới;	- Là doanh nghiệp Nhà nước mới chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần, Công ty phải từng bước điều chỉnh hoạt động dưới cơ cấu hoạt động mới, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý và tài chính; - Sản phẩm chính của Công ty là điện năng. Trong điều kiện thị trường ngành điện còn tồn tại tình trạng độc quyền mua và bán điện,

- Hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ tiên tiến đảm bảo vận hành đạt hiệu suất cao và an toàn; - Đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm. Năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty sẽ tăng so với trước cổ phần hóa; - Nguồn lực tài chính mạnh, kinh doanh có lãi, Công ty có đủ khả năng chủ động trong đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh. - Với quá trình hình thành và phát triển trên 12 năm, công ty đã xác lập được mối quan hệ với nhiều đơn vị trong và ngoài ngành điện do đó sẽ tạo được mối liên kết cũng như môi trường phát triển vững chắc cho công ty trong những năm sắp tới.	Công ty ít có khả năng tạo đột biến trong kết quả sản xuất kinh doanh;
Cơ hội	Thách thức
- Nhu cầu điện năng tiếp tục tăng nhanh hơn nguồn cung cấp trong những năm sắp tới. Bên cạnh đó, Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ nằm trong khu vực kinh tế phát triển năng động, miền Đông Nam Bộ nên có nhiều cơ hội mở rộng sản xuất kinh doanh điện và các sản phẩm có liên quan khác; - Công ty sẽ sử dụng có hiệu quả nguồn vốn khấu hao cơ bản hằng năm để thanh toán nợ vay và góp vốn đầu tư với các đơn vị khác. Ưu tiên đầu tư, phát triển các dự án nguồn điện mới theo định hướng của Chính phủ, Bộ Công nghiệp và danh mục kêu gọi đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam; - Phát triển thủy điện nằm trong chiến lược ưu tiên phát triển nguồn phát điện của nước ta cho tới 2020. Do đó, các doanh nghiệp thủy điện tiếp tục nhận được nhiều ưu đãi, hỗ trợ từ phía Nhà nước; - Định hướng đa dạng hóa lĩnh vực sản	- Trong giai đoạn sắp tới, khi nước ta bắt đầu hình thành thị trường mua bán điện cạnh tranh, Công ty phải nỗ lực để giảm giá thành sản xuất, cải tiến công nghệ, tìm kiếm khách hàng; - Đòi hỏi những nhà quản lý điều hành công ty phải năng động, tự chủ trong hoạt động kinh doanh để năng suất lao động và sản xuất kinh doanh của công ty đạt được hiệu quả; - Chế độ đãi ngộ và thu nhập phải phù hợp với mặt bằng chung của của người lao động để thu hút và giữ được nguồn nhân lực có chất lượng cao; - Trong tương lai sẽ có những nguồn năng lượng mới cạnh tranh hoặc thay thế thủy năng để sản xuất ra điện năng (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, năng lượng nguyên tử...). Tuy nhiên việc phát triển và tận dụng những nguồn năng lượng mới này ở nước ta sẽ đòi hỏi một thời gian tương đối dài; - Việc cổ phiếu của Công ty niêm yết trên TTCK đòi hỏi Công ty phải tuân thủ những

xuất kinh doanh của Công ty mở ra nhiều cơ hội sản xuất kinh doanh mới cho Công ty, góp phần nâng cao doanh thu và lợi nhuận;

- Việc niêm yết cổ phiếu trên TTCK sắp tới sẽ nâng cao thương hiệu và hình ảnh Công ty, tăng khả năng huy động vốn trong và ngoài nước, thu hút các đối tác đầu tư chiến lược.

qui định về công bố thông tin áp dụng cho các công ty niêm yết.



Triển vọng ngành Thủy Điện

- Ngành điện hiện là ngành kinh tế độc quyền. Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) là đơn vị mua điện duy nhất và cũng là đơn vị bán điện duy nhất đến người tiêu dùng; xây dựng, quản lý hệ thống mạng lưới truyền tải điện. Các nhà cung cấp điện cũng như người sử dụng điện không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc bán và mua điện của EVN và chấp nhận khung giá điện do EVN và Chính phủ đưa ra.
- Thị trường điện Việt Nam là thị trường có cung nhỏ hơn cầu và phát triển khá mạnh, trong đó EVN là tổ chức cung cấp điện lớn nhất cho toàn thị trường thực hiện việc thu mua tất cả sản lượng điện và quyết định giá bán điện.
- Việt Nam là nước đang phát triển nên nhu cầu điện năng phục vụ sản xuất và sinh hoạt rất lớn. Theo tính toán của EVN, để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế với tốc độ tăng trưởng từ 7,5 - 8%/năm và với mục tiêu đến năm 2020 Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp, thì trong 20 năm tới (đến 2025) nhu cầu điện sẽ phải tăng từ 15 - 17% mỗi năm.
- Trong giai đoạn 2006 - 2015 có xét đến triển vọng 2025, Việt Nam cần xây dựng thêm 74 nhà máy và trung tâm điện lực với tổng công suất lên đến 81.000 MW. Trước mắt, giai đoạn 2006 – 2008, chắc chắn sẽ thiếu điện do các nguồn điện dự kiến xây dựng và đưa vào vận hành không đảm bảo tiến độ. Với luật điện lực mới, Nhà nước đã xóa bỏ độc quyền trong đầu tư phát triển nguồn điện, lưới điện phân phối. Thị trường đầu tư nguồn điện đã được mở rộng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp tham gia. Việc phát triển các dự án thủy điện, nhất là các dự án thủy điện vừa và nhỏ trong thời gian qua đã đóng góp một sản lượng điện đáng kể cho mạng lưới điện quốc gia. Chỉ riêng giai đoạn 2006-2010 có khoảng 1.000MW thủy điện nhỏ (mỗi nhà máy công suất dưới 30MW) sẽ đưa vào vận hành, góp phần tận dụng được nguồn năng lượng thiên nhiên hiện có, đồng thời tiết kiệm nguồn nhiên liệu than, dầu, khí đang ngày càng khan hiếm; điều hòa lượng nước cho nông nghiệp thủy lợi, giao thông vận tải và sinh hoạt của người dân, nhất là vào mùa khô; đóng góp quan trọng vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở những vùng khó khăn, bảo vệ an ninh-quốc phòng.
- Vì vậy, cùng với việc tiếp tục triển khai xây dựng các nhà máy thủy điện có công suất lớn, do Tập đoàn Điện lực Việt Nam làm chủ đầu tư, như Sơn La, công suất 2.400MW; Tuyên Quang 342 MW, Bản Vẽ 320MW, Đại Ninh 300MW,... nhiều doanh nghiệp trong và ngoài ngành điện cũng mạnh dạn tự đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện công suất vừa và nhỏ, với gần 300 dự án có tổng công suất lắp máy khoảng 2.500MW đến 3.000 MW, tương ứng với lượng điện hàng năm khoảng 10 tỷ kW giờ.
- Như vậy, về đầu tư các dự án điện mới là một hướng rất tiềm năng, tuy đòi hỏi thời gian nhưng thành công sẽ đem lại kết quả xứng đáng, triển vọng phát triển ngành thủy điện trong tương lai là rất khả quan. Cùng với định hướng của Chính phủ, Bộ Công nghiệp và

danh mục kêu gọi đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ có công suất thiết kế (150 MW) ưu tiên đầu tư, phát triển các dự án nguồn điện mới.

- Theo Quyết định 21/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng thì từ 1/3/2009, giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế VAT là 948,5 đồng/kWh, tăng 8,92% so với giá điện bình quân năm 2008. Và theo thứ trưởng Bộ Công Thương Đỗ Hữu Hà Trong giai đoạn đầu 2009, mức tăng cho phép chỉ dưới 10% để tránh gây sốc cho người tiêu dùng. Ngày 26/2, thứ trưởng vừa ban hành Thông tư số 05/2009/TT-BCT, quy định về giá điện năm 2009 và hướng dẫn thực hiện. Theo đó:

Giá bán lẻ điện cho các ngành sản xuất như sau:

STT	Đối tượng áp dụng giá	Giá bán điện (đ/kWh)
1	Cấp điện áp từ 110 kV trở lên	
	a) Giờ bình thường	835
	b) Giờ thấp điểm	455
	c) Giờ cao điểm	1.690
2	Cấp điện áp từ 22 kV đến dưới 110 kV	
	a) Giờ bình thường	870
	b) Giờ thấp điểm	475
	c) Giờ cao điểm	1.755
3	Cấp điện áp từ 6 kV đến dưới 22 KV	
	a) Giờ bình thường	920
	b) Giờ thấp điểm	510
	c) Giờ cao điểm	1.830
4	Cấp điện áp dưới 6 kV	
	a) Giờ bình thường	955
	b) Giờ thấp điểm	540
	c) Giờ cao điểm	1.900

Giá bán lẻ điện sinh hoạt bậc thang được quy định:

STT	Mức sử dụng của một hộ gia đình trong tháng	Giá bán điện (đ/kWh)
1	Cho 50 kWh đầu tiên	600
2	Cho kWh từ 51 – 100	865
3	Cho kWh từ 101 – 150	1.135
4	Cho kWh từ 151 – 200	1.495
5	Cho kWh từ 201 – 300	1.620
6	Cho kWh từ 301 – 400	1.740
7	Cho kWh từ 401 trở lên	1.790

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Tình hình lao động hiện nay

Số lượng lao động của Công ty đến 30/09/2008 là: 128 lao động

- Phân theo trình độ:

- Thạc sỹ : 2 người chiếm 1,56 %
- Đại học : 50 người chiếm 39,06 %
- Cao đẳng : 4 người chiếm 3,13%
- Trung cấp, bậc nghề : 56 người chiếm 43,75 %
- Lao động phổ thông : 16 người chiếm 12,50 %

- Phân theo chức năng:

- Lao động gián tiếp : 94 người chiếm 73,44%
- Lao động trực tiếp : 34 người chiếm 26,56%



(Ảnh minh họa)

9.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

 Đào tạo

- Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ rất chú trọng về vấn đề đào tạo nguồn nhân lực cho công ty vì đó là nhân tố quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của một doanh nghiệp.
- Công tác đào tạo của công ty bao gồm: đào tạo nâng cấp, đào tạo lại, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ bằng các hình thức như đào tạo dài hạn, ngắn hạn, đào tạo bồi dưỡng tại chỗ, đào tạo tại chức, đào tạo theo đề án qua các hình thức hội thảo, hội nghị chuyên đề, tham quan, khảo sát, học tập trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị.
- Quy hoạch đào tạo phát triển nguồn nhân lực phải được xây dựng phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty. Xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm và 5 năm. Đối tượng được đào tạo áp dụng cho mọi CBCNV.
- Quy trình và tổ chức đào tạo tuân theo quy định và hướng dẫn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam dựa trên cơ sở kế hoạch đào tạo hàng năm, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và chiến lược phát triển nguồn nhân lực.
- Ngoài ra, căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với Công ty, Công ty định ra kế hoạch đào tạo thích hợp, dưới nhiều hình thức: cử đi đào tạo, đào tạo tại chỗ bằng các khoá huấn luyện,...
- Các tiêu chuẩn cho CBCNV được cử tham gia các lớp đào tạo:
 - Có đầy đủ các tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất, đạo đức.
 - Có năng lực và khả năng phát triển và nằm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của công ty.
 - Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và ngoại ngữ phù hợp.
 - Có thâm niên công tác và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm liền.
- Trường hợp đào tạo ngoài công ty:
 - Tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp lương như trong thời gian công tác tại Công ty.

- Thời gian đi đào tạo được tính như thời gian công tác để xét thưởng cuối năm.
- Trường hợp đào tạo bồi dưỡng tại chỗ:
 - CBCNV được đào tạo, bồi dưỡng được hưởng đầy đủ các chế độ như những ngày làm việc.
 - Cán bộ hướng dẫn đào tạo được hưởng một khoản thù lao theo quy định của Công ty cho từng chức danh công việc đào tạo, bồi dưỡng.
- Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là trình độ chuyên môn nghiệp vụ và ISO 9001:2000. Công ty cũng tổ chức đào tạo nghề nghiệp và các kỹ năng cho người lao động thông qua các hình thức đào tạo kèm cặp, truyền đạt kinh nghiệm trong quá trình làm việc, gửi đào tạo bên ngoài. Đối với nhân viên mới tuyển dụng, Công ty sẽ tiến hành đào tạo nghiệp vụ và tạo mọi điều kiện thuận lợi để người lao động sớm thích nghi và nắm bắt được công việc mới.



Lương, thưởng

- Công ty có chính sách lương, thưởng xứng đáng với cống hiến chất xám, đặc biệt đối với các nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.
- Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, khuyến khích cán bộ công nhân viên của Công ty làm việc hăng say, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Đối tượng và phạm vi áp dụng: bao gồm toàn thể CBCNV thuộc lực lượng lao động thường xuyên của Công ty. Đối tượng không áp dụng là những lao động làm việc theo Hợp đồng khoán gọn, mùa vụ thời hạn dưới 3 tháng.
- Việc phân phối tiền lương cho CBCNV trong Công ty được thực hiện theo nguyên tắc phân phối theo lao động (dựa vào số lượng, chất lượng và hiệu quả đóng góp của từng người)
- Công ty trả lương theo hệ số cấp bậc chức vụ được xác định trên trình độ, cấp bậc và tay nghề của người lao động.
- Nhằm khuyến khích, động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả làm việc, đóng góp cho Công ty, Công ty đã áp dụng nhiều hình thức thưởng:
 - Thưởng lương tháng thứ 13
 - Thưởng Vận hành an toàn
 - Thưởng sáng kiến kỹ thuật
- Phạm vi và đối tượng xét thưởng: bao gồm các CBCNV của tất cả các đơn vị, phòng ban, phân xưởng thuộc cơ cấu tổ chức sản xuất của Công ty.
- Đối tượng không áp dụng: CBCNV thực hiện hợp đồng mùa vụ hoặc hợp đồng khoán gọn.



Bảo hiểm và phúc lợi:

- Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật. Công ty thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật lao động và hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân

viên (riêng đối với CBCNV nữ được tổ chức khám sức khỏe hai lần trong năm). Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm toàn diện con người cho toàn thể CBCNV.

- Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để Công đoàn và Đoàn Thanh niên Công ty hoạt động, tạo điều kiện cho công nhân viên Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và rèn luyện sức khỏe.
- Trợ cấp ốm đau, thai sản, nghỉ việc ... áp dụng theo quy định của Bộ Luật Lao động.

10. Chính sách cổ tức.

- Cổ tức hàng năm của Công ty được chi trả dựa trên nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và theo quy định của pháp luật. Theo đó, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và kiến nghị mức cổ tức chi trả để trình ĐHĐCĐ quyết định.
- Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước, các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật hiện hành.
- Cổ đông sẽ nhận cổ tức theo tỷ lệ phần vốn góp, thời gian trả cổ tức thông thường là 01 lần/năm.
- Theo phương án cổ phần hóa của Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ, tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến 5% năm từ năm 2008-2010. Tuy nhiên, khi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả, đặc biệt trong năm 2008, tỷ lệ trả cổ tức thực tế của công ty là 8% năm. Và kế hoạch chi trả cổ tức đã được điều chỉnh từ năm 2009-2010 là 6% năm và sang năm 2011 tỷ lệ trả cổ tức dự kiến là 7% năm. Đồng thời khi hoạt động kinh doanh của công ty hiệu quả thì tỷ lệ cổ tức thực trả cho cổ đông sẽ được điều chỉnh theo thực tế kết quả đạt được.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Trích khấu hao tài sản cố định

- Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với Quyết định số 206/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính, cụ thể:

Bảng 14: Thời gian khấu hao cho các loại tài sản cố định

Nhóm TSCĐ	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10
Máy móc, thiết bị	06 -10
Thiết bị quản lý	03 - 05

- Nguồn tiền khấu hao tài sản cố định hàng năm được giữ lại Công ty để trả vốn vay và sử dụng cải tạo, nâng cấp thiết bị, đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, đầu tư góp vốn xây dựng các công trình điện với các công ty khác.

11.2 Mức thu nhập bình quân của CBCNV

Năm	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007
Thu nhập bình quân (đ/người/tháng)	3.736.646	5.833.148	8.270.825

11.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ & đúng hạn các khoản nợ đến hạn.

Bảng 15: Tài sản lưu động & Nợ ngắn hạn

Đơn vị: triệu đồng

NĂM	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	117.311	218.792	402.874
Tiền	43.504	38.056	4.788
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	28.000	178.701
Phải thu ngắn hạn	65.912	148.706	214.597
Trong đó:			
+ Phải thu EVN			135.444
+ Phải thu Công ty Mua bán điện			77.961
Hàng tồn kho	4.658	3.985	4.410
Tài sản ngắn hạn khác	3.237	44	378
NỢ NGẮN HẠN	9.975	29.778	241.060
<i>Phải thu ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (lần)</i>	<i>6,6</i>	<i>5,0</i>	<i>0,9</i>

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2006-2007-2008

11.4 Các khoản phải nộp theo luật định

- Thuế giá trị gia tăng
 - Phương pháp tính thuế: Phương pháp khấu trừ
 - Đối tượng chịu thuế: Sản phẩm điện chịu thuế suất 10%
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) áp dụng của Công ty là 28%. Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã hoàn chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định Lợi nhuận chịu thuế cũng như Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.
- Thuế tài nguyên được tính theo quy định tại Thông tư số 42/2007/TT-BTC ngày 27/04/2007 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 68/1998/NĐ-CP ngày 03/09/1998. Nghị định số 147/2006/NĐ-CP ngày 01/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh thuế Tài nguyên.
- Căn cứ vào kết quả thanh tra thuế trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty từ năm 2005 – năm 2007, số thuế Công ty còn phải nộp thêm:

Thuế Môn bài : 1.500.000 đồng

Thuế GTGT : 23.695.701 đồng

Thuế TNDN : 118.225.938 đồng

Thuế Thu nhập cá nhân: 325.542.421 đồng
- Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, và các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

11.5 Trích lập các quỹ theo luật định

- Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của công ty pháp luật hiện hành
- Số dư các quỹ của công ty qua các năm như sau:

Bảng 17: Số dư các Quỹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Các quỹ	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
Quỹ đầu tư phát triển	140	88	3.692
Quỹ dự phòng tài chính	678	3.635	10.542
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.109	366	1.797
Tổng cộng	2.927	4.089	16.031

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2006-2007-2008

11.6 Tổng dư nợ vay

- Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ hiện không có các khoản nợ vay ngắn hạn mà chỉ có các khoản vay dài hạn đến hạn trả. Và Công ty thực hiện trả nợ vay đúng hạn.
- Căn cứ quyết định số 2592/QĐ-BCN ngày 20/09/2006 về việc xác định giá trị Công ty Thủy điện Thác Mơ thuộc Tổng công ty Điện lực Việt Nam để cổ phần hóa, theo đó
 - Giá trị thực tế của doanh nghiệp : 1.449.279.868.916 đồng
 - Trong đó giá trị thực tế vốn nhà nước : 1.432.742.646.692 đồng
- Căn cứ Quyết định số 3948/QĐ-BCN ngày 29/12/2006, về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Thủy điện Thác Mơ thành Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ, theo đó
 - Vốn điều lệ : 700.000.000.000 đồng
 - Vốn nhà nước góp : 558.144.000.000 đồng
 - Vốn góp CBCNV và cổ đông bên ngoài : 141.856.000.000 đồng
- Và căn cứ vào Quyết định số 228/QĐ-EVN TCKT ngày 28/12/2006 của Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc điều chỉnh cơ cấu vốn nhà nước trong phương án cổ phần hóa của Công ty thủy điện Thác Mơ, theo đó Vốn nhà nước là 700 tỷ, phần còn lại, sẽ chuyển thành vốn Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ vay của EVN. Chi tiết các khoản vay dài hạn như sau

- Các khoản vay dài hạn của Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ

Bảng 18: Vay dài hạn

Bên cho vay	Quyết định/Hợp đồng vay	Mục đích vay	Ngày vay	Thời gian đáo hạn (năm)	Số dư nợ (triệu đồng)
EVNF (Công ty cổ phần Tài chính Điện Lực)	Số 04/2008/HĐTD-TCĐL	Cơ cấu lại nguồn vốn	09/10/2008	2018	350.000
Tập đoàn điện lực Việt Nam EVN	Số 01/EVN-Thác Mơ/TCKT	Cơ cấu vốn nhà nước trong phương án CPH Công ty Thủy điện Thác Mơ	02/01/2009	2015	298.362,25

Nguồn: Hợp đồng vay của Công ty CP Thủy Điện Thác Mơ

Kể từ năm 2005-2007, Công ty không có các khoản vay ngắn hạn hay dài hạn. Năm 2008, sau khi công ty chính thức trở thành công ty cổ phần và phần vốn góp của nhà nước chuyển thành khoản vay dài hạn, nên chi phí trả lãi vay của Công ty tăng đột biến trong năm 2008. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
Vay và nợ ngắn hạn	0	0	77.624
Vay và nợ dài hạn	0	0	570.738,25
Chi phí tài chính, lãi vay	0	6.394	85.709

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2006-2007-2008

Khoản mục nợ ngắn hạn 77,62 tỷ phát sinh trong năm 2008 là khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả của Công ty.

Năm 2007, Khoản chi phí tài chính 6,39 tỷ là chi phí công ty trả cho các cổ đông đã nộp tiền trúng kết quả đấu giá cổ phần trong thời gian chờ nhận được Sổ đăng ký chứng nhận quyền sở hữu cổ phần.

Năm 2008, Công ty chính thức trở thành công ty cổ phần, và thực hiện công văn số 228/QĐ-EVN TCKT ngày 28/12/2006 chuyển phần vốn góp của nhà nước thành khoản vay dài hạn như bảng 18. Chính vì thế, chi phí lãi vay của công ty tăng đột biến từ 6,394 tỷ lên 85,7 tỷ.

11.7 Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 19: Chi tiết các khoản Phải thu, phải trả

Đơn vị: triệu đồng

Năm	2006	2007	2008
Nợ phải thu	65.912	148.706	214.596
Phải thu khách hàng		33	213.622
Trong đó:			
+ Phải thu EVN			135.444
+ Phải thu Công ty Mua bán điện			77.961
Trả trước cho người bán	80		165
Phải thu nội bộ ngắn hạn	65.644	147.864	
Các khoản phải thu khác	188	809	809
Nợ Phải trả	10.084	29.778	811.877
Nợ ngắn hạn	9.974	29.778	241.060
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	77.624
Phải trả cho người bán	3.539	3.069	893
Người mua trả tiền trước	498		228
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	784	20.361	10.101
Phải trả người lao động	3.783	4.610	4.030
Chi phí phải trả	719	1.200	30.006
Phải trả nội bộ		258	
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	651	280	118.178
Trong đó:			27.970
+ Phải trả cổ tức EVN			27.970
+ Phải trả khác cho EVN- điều chỉnh vốn			89.536
Nợ dài hạn	110	-	570.817

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2006-2007-2008

12. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu*Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính*

Chỉ tiêu	Năm 2006	Năm 2007	Năm 2008
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+Hệ số thanh toán ngắn hạn	11,76	7,35	1,67
+ Hệ số thanh toán nhanh	10,97	7,21	1,65
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,01	0,02	1,04
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,4%	30,4%	20,1%
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,3%	3,3%	6,1%
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,3%	3,2%	4,4%
+ Tỷ suất Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	10,1%	50%	52,70%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2006-2007 và 2008

13. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc, Kế toán trưởng**13.1 Danh sách về HĐQT: gồm 5 người****a. Nguyễn Thanh Phú - Chủ tịch HĐQT**

Nguyễn Thanh Phú	Chủ tịch HĐQT
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	10/04/1962
Nơi sinh:	Xã Tam An - H.Long Thành - Tỉnh Đồng Nai
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND:	271019942 cấp ngày 10/11/2006 - Đồng Nai
Quê quán:	Xã Tam An - H.Long Thành - Tỉnh Đồng Nai
Địa chỉ thường trú:	17B1. KP 1 - Bửu Long - Biên Hoà - Đồng Nai
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kỹ thuật
Quá trình công tác:	
Từ tháng 12/1984 - 12/1985:	Kỹ sư phòng Kỹ thuật. Ban quản lý công trình thủy điện Trị An.
Từ tháng 1/1986 - 12/1987:	Tập sự trưởng ca - Nhà máy thủy điện Trị An
Từ tháng 01/1988 - 01/1990:	Trưởng ca vận hành - Nhà máy thủy điện Trị An
Từ tháng 2/1990 - 10/1990:	Kỹ sư thí nghiệm - Nhà máy thủy điện Trị An
Từ tháng 11/1990 - 08/1993:	Phó Quản đốc phân xưởng - Tổ trưởng tổ thí nghiệm - Nhà máy thủy điện Trị An
Từ tháng 9/1993 - 12/1996:	Quản đốc PXSC cơ điện - NMTĐ Trị An
Từ tháng 1/1997 - 6/2006	Phó giám đốc - Nhà máy thủy điện Trị An
Từ tháng 7/2006 - 11/2006	Phó giám đốc - Công ty thủy điện Thác Mơ
Từ tháng 11/2006 - 12/2007	Giám đốc - Công ty thủy điện Thác Mơ
Từ tháng 1/2008 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ
Số cổ phần nắm giữ tính đến ngày 18/05/2009: 27.964.057 cổ phần - Đại diện phần vốn của EVN tại Công ty: 27.944.000 cổ phần - Cá nhân: 20.057 cổ phần Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: - Em : Nguyễn Thanh Xuân - Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần	
Những người có liên quan:	đính kèm theo Mẫu NY -09
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Thù lao tại Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức niêm yết	Không có

b. Lê Tuấn Hải - Ủy viên Hội đồng Quản trị

Lê Tuấn Hải	Ủy viên Hội đồng quản trị
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	8/4/1970
Nơi sinh:	Phường Chánh Lộ - TX Quảng Ngãi - Quảng Ngãi
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND:	285181501 cấp ngày 23/03/2004 - Bình Phước
Quê quán:	Đức Thắng - Mộ Đức - Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú:	Khu 06. TT Thác Mơ-Phước Long - Bình Phước
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư hệ thống điện
Quá trình công tác:	
Từ tháng 2/1996 - 2/2001:	Kỹ sư nhóm Role - tổ Thí Nghiệm - Phân xưởng sửa chữa - Nhà máy thủy điện Thác Mơ
Từ tháng 3/2001 - 7/2001:	Chuyên viên phòng Kế hoạch kỹ thuật NMTĐ Thác Mơ
Từ tháng 8/2001- 07/2003:	Phó phòng Kế hoạch kỹ thuật NMTĐ Thác Mơ - Phước Long - Bình Phước.
Từ tháng 8/2003 - 5/2004:	Phó phòng Kỹ thuật NMTĐ Thác Mơ
Từ tháng 6/2004 - 3/2006:	Trưởng phòng Kỹ thuật NMTĐ Thác Mơ
Từ tháng 4/2006 - 12/2007:	Phó Giám đốc Công ty Thủy điện Thác Mơ
Từ tháng 1/2008 đến nay:	Giám đốc, thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Số cổ phần nắm giữ tính đến ngày 18/05/2009: 14.000.900 cổ phần - Đại diện phần vốn của EVN tại Công ty: 14.000.000 cổ phần - Cá nhân: 900 cổ phần Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: - Vợ : Lê Thị Hải Yến - Số cổ phần nắm giữ: 2.000 cổ phần	
Những người có liên quan:	Đính kèm theo Mẫu NY -09
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Thù lao tại Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức niêm yết	Không có

c. Ninh Viết Định - Ủy viên Hội đồng quản trị

Ninh Viết Định	Ủy viên Hội đồng quản trị
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	20/02/1961
Nơi sinh:	Ý Yên - Nam Định
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND:	012801346 cấp ngày 02/06/2005 - Hà Nội
Quê quán:	Ý Yên - Nam Định
Địa chỉ thường trú:	8 Phủ Đồng Thiên Vương - Hà Nội
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ chuyên ngành kinh tế năng lượng
Quá trình công tác:	
Từ 1984 - 1989:	Cán bộ tại Ban Quản lý dự án thủy điện Trị An
Từ 1989 - 1999:	Trưởng phòng - Ban Quản lý dự án thủy điện Hàm Thuận - Đami
Từ 1999 đến nay:	Phó trưởng ban Quản lý Đấu thầu Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
Từ tháng 01/2008 đến nay:	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Số cổ phần nắm giữ tính đến ngày 18/05/2009: 14.000.000 cổ phần - Đại diện phần vốn của EVN tại Công ty: 14.000.000 cổ phần - Cá nhân: Không có Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan: - Vợ: Bùi Như Thảo - Số cổ phần nắm giữ: 3.000 cổ phần	
Những người có liên quan:	Đính kèm theo Mẫu NY -09
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Thù lao tại Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ Thù lao tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức niêm yết	Không có

d. Nguyễn Anh Vũ - Ủy viên Hội đồng quản trị

Nguyễn Anh Vũ	Ủy viên Hội đồng quản trị
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	26/02/1969
Nơi sinh:	TP. Hồ Chí Minh
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND:	022104501 cấp ngày 05/08/1994 - TP. HCM
Quê quán:	Ấp Bắc - Cai Lậy - Tiền Giang
Địa chỉ thường trú:	152/63 Lý Chính Thắng - P7. Q3- TP. HCM
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
Quá trình công tác:	
Từ 1989 - 1995:	Công nhân viên Nhà máy Cơ điện Thủ Đức - Công ty Điện lực II
Từ 1995 - 2002:	Cán bộ kỹ thuật Điện lực Tân Thuận - Công ty Điện Lực TP Hồ Chí Minh
Từ 2002 - 2004 :	Cán bộ kỹ thuật Ban Quản lý Dự án lưới điện Công ty Điện Lực TP Hồ Chí Minh
Từ 2004 đến nay:	Phó trưởng phòng tổ chức Cán bộ - Đào tạo Công ty Điện Lực TP Hồ Chí Minh.
Từ tháng 01/2008 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Số cổ phần nắm giữ tính đến ngày 18/05/2009: 750.000 cổ phần Đại diện phần vốn của Công ty Điện lực Thành phố HCM: 750.000 cổ phần Cá nhân: Không có	
Những người có liên quan:	Đính kèm theo Mẫu NY -09
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Thù lao tại Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ Thù lao tại Công ty Điện lực Thành phố HCM
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức niêm yết	Không có

e. Đinh Văn Sơn – Ủy viên Hội đồng quản trị

Đinh Văn Sơn	Ủy viên Hội đồng Quản trị
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	31/08/1971
Nơi sinh:	Xã Tân Sơn - huyện Đô Lương - tỉnh Nghệ An
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND:	191204073 cấp ngày 29/02/1996-Thừa Thiên Huế
Quê quán:	Xã Phú Mậu - Phú Vang - Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú:	236 Bạch Đằng - Phường Phú Hiệp - T/P Huế
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học chuyên ngành Vật lý
Quá trình công tác:	
Từ tháng 12/1993 - 6/1994:	Nhân viên - Ban CBSX - NMTĐ Thác Mơ
Từ tháng 6/1994 - 1/1998:	Trưởng nhóm kích từ - Tổ thí nghiệm - PXSC - NMTĐ Thác Mơ
Từ tháng 2/1998 - 12/2000:	Tổ trưởng tổ thí nghiệm thông tin kiêm trưởng nhóm tự động - PXSC Tổ - NMTĐ Thác Mơ
Từ tháng 12/2000 - 5/2004:	Phó quản đốc, kiêm Tổ trưởng tổ thí nghiệm thông tin - PXSC - NMTĐ Thác Mơ
Từ tháng 6/2004 - 7/2007:	Quản đốc, kiêm Tổ trưởng tổ thí nghiệm thông tin - PXSC - Công ty Thủy điện Thác Mơ
Từ tháng 8/2007 - 3/2008:	Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ
Từ tháng 4/2008 - 3/2009:	Trưởng phòng Kế hoạch vật tư - Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ
Từ 09/03/2009 - đến nay:	Trưởng phòng Dự án - Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ
Từ 07/04/2009 - đến nay:	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ
Số cổ phần nắm giữ tính đến ngày 18/05/2009: 12.838 cổ phần	
Đại diện phần vốn của EVN: không có	
Cá nhân: 12.838 cổ phần	
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:	
- Vợ : Nguyễn Thị Vân	
- Số cổ phần nắm giữ: 1.200 cổ phần	
Những người có liên quan:	Đính kèm theo Mẫu NY -09
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Thù lao tại Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức niêm yết	Không có

13.2 Danh sách về Ban kiểm soát

b. Cao Chí Minh Hùng – Trưởng Ban kiểm soát

Cao Chí Minh Hùng	Trưởng Ban kiểm soát
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	20/02/1958
Nơi sinh:	Tuy An - Phú Yên
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND:	285048423 cấp ngày 02/07/1999 - Bình Phước
Quê quán:	Tuy An - Phú Yên
Địa chỉ thường trú:	22/21 Phường Linh Chiểu - Q.Thủ Đức - TP.HCM
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học Tài chính Kế toán
Quá trình công tác:	
Từ 1977 - 1979:	Công tác tại Công ty Vật tư Nông nghiệp Thuận Hải.
Từ 1980 - 1987:	Công tác tại Ban Kế hoạch Ninh Sơn - Ninh Thuận.
Từ 1988 - 1994:	Phó phòng Tài chính Kế toán - NMTĐ Đa Nhim
Từ 1995 - 2007:	Trưởng phòng Tài chính Kế toán - NMTĐ Thác Mơ (Nay là công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ)
Từ tháng 01/2008 đến nay:	Trưởng ban Kiểm soát - Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ
Số cổ phần nắm giữ tính đến ngày 18/05/2009: 500 cổ phần	
- Đại diện: Không - Cá nhân: 500 cổ phần	
Số cổ phần nắm giữ của những người có liên quan:	
- Em : Cao Thanh Thủy - Số cổ phần nắm giữ: 28.610 cổ phần	
Những người có liên quan:	Đính kèm theo Mẫu NY -09
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Thù lao tại Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức niêm yết	Không có

c. Nguyễn Văn Tú – Thành viên Ban kiểm soát

Nguyễn Văn Tú	Thành viên Ban kiểm soát
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	26/12/1967
Nơi sinh:	Vinh Hưng - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND:	285187819 cấp ngày 05/12/2005 - Bình Phước
Quê quán:	Vinh Hưng - Phú Lộc - Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú:	235/60 Vườn Lắc - P.Phú Thọ Hoà - Q.Tân Phú - TP.Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học chuyên ngành hoá học
Quá trình công tác:	
Từ tháng 10/1993 - 10/1994:	Nhân viên Ban chuẩn bị sản xuất Nhà máy thủy điện Thác Mơ
Từ tháng 10/1994 - 2/2006:	Nhóm trưởng nhóm Hoá nghiệm - Công ty thủy điện Thác Mơ
Từ tháng 2/2006 - 12/2006:	Chuyên viên phòng Tổ chức Lao động - Công ty thủy điện Thác Mơ
Từ tháng 12/2006 - 9/2007:	Phó phòng Tổ chức Lao động - Công ty thủy điện Thác Mơ
Từ tháng 9/2007 đến nay:	Trưởng phòng Tổ chức Lao động - Công ty thủy điện Thác Mơ (nay là công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ)
Từ tháng 01/2008 đến nay:	Thành viên BKS Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Số cổ phần nắm giữ tính đến ngày 18/05/2009: 6.100 cổ phần	
- Đại diện: Không - Cá nhân: 6.100 cổ phần	
Những người có liên quan:	Đính kèm theo Mẫu NY -09
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Thù lao tại Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức niêm yết	Không có

d. Lê Ái Tường – Thành viên Ban kiểm soát

Lê Ái Tường	Thành viên Ban kiểm soát
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	02/10/1975
Nơi sinh:	Đức Tân - Mộ Đức - Quảng Ngãi
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND:	211924037 cấp ngày 26/08/1990 - Quảng Ngãi
Quê quán:	Đức Tân - Mộ Đức - Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú:	Khu 6, TT Thác Mơ - Phước Long - Bình Phước
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư điện
Quá trình công tác:	
Từ tháng 8/2001 - tháng 8/2003:	Kỹ sư điện - Trưởng ca tập sự Phân xưởng Vận hành - Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Từ tháng 9/2003 - tháng 02/2009:	Kỹ sư điện - Trưởng ca Phân xưởng Vận hành - Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Từ tháng 03/2009 - đến nay:	Kỹ sư điện - Tổ thí nghiệm - PXSC - Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Từ ngày 07/04/2009 - đến nay:	Thành viên BKS Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Số cổ phần nắm giữ tính đến ngày 18/05/2009: 6.095 cổ phần	
- Đại diện: Không - Cá nhân: 6.095 cổ phần	
Những người có liên quan:	Đính kèm theo Mẫu NY -09
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Thù lao tại Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức niêm yết	Không có

13.3 Ban Giám đốc

a. Lê Tuấn Hải – Giám đốc: Lý lịch trách nhiệm đã nêu ở khoản c, mục 13.1 TVHDQT

13.4 Kế toán trưởng

Huỳnh Văn Khánh	Kế toán trưởng
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	10/10/1968
Nơi sinh:	TT Sơn Tịnh - huyện Sơn Tịnh - Quảng Ngãi
Quốc tịch:	Việt Nam
CMND:	285112833 cấp ngày 04/04/2002 - Bình Phước
Quê quán:	TT Sơn Tịnh - huyện Sơn Tịnh - Quảng Ngãi
Địa chỉ thường trú:	Khu 06. TT Thác Mơ-Phước Long - Bình Phước
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Đại học kinh tế
Quá trình công tác:	
Từ tháng 11/1994 - 2/1995:	Nhân viên Kế toán Công ty phát triển đô thị và khu công nghiệp - Long Thành - Đồng Nai.
Từ tháng 7/1995 - 12/2001:	Nhân viên Kế toán - Phòng Kế toán tài chính NMTĐ Thác Mơ
Từ tháng 1/2002 - 6/2004:	Phó phòng Kế toán tài chính NMTĐ Thác Mơ
Từ tháng 7/2004 - 8/2004:	Phó phòng Kế hoạch Vật tư NMTĐ Thác Mơ
Từ tháng 9/2004 - 2/2006	Phó Phòng Dự án NMTĐ Thác Mơ
Từ tháng 3/2006 - 7/2007	Phó phòng Kế hoạch Vật tư CTTĐ Thác Mơ
Từ tháng 8/2007 - 3/2008	Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư CTTĐ Thác Mơ
Từ tháng 4/2008 đến nay:	Kế toán trưởng - phòng Tài chính kế toán - CTCP TĐ Thác Mơ
Số cổ phần nắm giữ tính đến ngày 18/05/2009: 1.000 cổ phần	
- Đại diện: Không - Cá nhân: 1.000 cổ phần	
Số cổ phần của những người có liên quan:	
- Vợ: Hà Thị Minh Hương - Số cổ phần nắm giữ: 1.000 cổ phần	
Những người có liên quan:	Đính kèm theo Mẫu NY -09
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Các khoản nợ đối với công ty	Không
Thù lao và các khoản lợi ích khác	Thù lao tại Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ
Lợi ích liên quan đối với công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của tổ chức niêm yết	Không có

14. Tài sản**14.1 Tình hình tài sản cố định tính đến 2008**

- Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo đó, tình hình khấu hao lũy kế, giá trị còn lại TSCĐ đến ngày 31/12/2008 như sau:

Bảng 24: Tình hình tài sản cố định đến ngày 31/12/2008

Đơn vị tính: đồng

Tài sản cố định	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà xưởng, vật kiến trúc	1.240.308.556.436	505.606.852.276	734.701.704.160
Máy móc thiết bị	597.751.383.753	236.927.947.309	360.823.436.444
Phương tiện vận tải truyền dẫn	116.854.031.938	43.909.668.240	72.944.363.698
Dụng cụ quản lý	9.447.136.503	7.972.099.958	1.475.036.545
Tổng cộng	1.964.361.108.630	794.416.567.783	1.169.944.540.847

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2008

14.2 Đất đai Công ty đang sử dụng

Bảng 25: Các diện tích đất đang sử dụng

Loại đất	Theo văn bản/hợp đồng/Quyền sử dụng đất	Diện tích	Thời gian	Mục đích sử dụng
Đất được giao	QĐ số 218/TTg ngày 10/06/1993 của Thủ Tướng Chính Phủ giao đất cho Công trình Thủy điện Thác Mơ	12.315 ha		Xây dựng công trình Thủy điện Thác Mơ
Đất thuê	HĐ số 08/HĐ-TĐ ký ngày 17/01/2006 giữa Cty TĐ Thác Mơ và Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Phước	29.061,5m ²	50 năm	Xây dựng khu cư xá cho CB-CNV và nhà kho

Nguồn: Báo cáo Quỹ đất của Công ty cổ phần Thủy Điện Thác Mơ

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong 03 năm tiếp theo

Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã đưa ra kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức cho giai đoạn 2009-2011 dựa trên những dự báo về tiềm năng, định hướng phát triển của ngành điện cùng với đánh giá điểm mạnh, điểm yếu và vị thế hiện tại của Công ty.

Bảng 26: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

NĂM	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011	% tăng giảm (2010-2009)
Doanh thu thuần	triệu đồng	324.903	309.903	309.903	-4,6%
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	53.615	53.155	58.855	0%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	(%)	16,5%	17,15%	18,99%	3,9%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	(%)	7,66%	7,59%	8,41%	0%
Tỷ lệ trả cổ tức	(%)	6%	6%	7%	0%
Vốn điều lệ	triệu đồng	700.000	700.000	700.000	0%

Nguồn: Phương án SXKD của Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ (2009-2011)

 Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Để đạt được kế hoạch doanh thu, lợi nhuận như trên, Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ đã đưa ra những định hướng sau:

 Về công tác quản lý kinh tế tài chính

- Tăng cường công tác kiểm tra, hạch toán kịp thời và chính xác làm cơ sở cho việc kiểm tra quản lý các chi phí kế hoạch theo giá thành sản phẩm. Xây dựng định mức đơn giá nội bộ. Xây dựng và giao kế hoạch sản xuất, quản lý chi phí hiệu quả. Hàng tháng kiểm tra công tác thực hiện kế hoạch, tìm rõ nguyên nhân để đề ra biện pháp khắc phục kịp thời.
- Cân đối và sử dụng nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đảm bảo kế hoạch vay và trả nợ đúng hạn. Tăng cường công tác thu vốn và công nợ, hạn chế việc công ty bị chiếm dụng vốn.
- Tìm mọi biện pháp để hạ giá thành sản phẩm, hạ chi phí đầu tư, tăng sức cạnh tranh trên thị trường, đảm bảo uy tín và khẳng định vị thế của công ty trên thị trường.

 Về công tác tổ chức sản xuất và quản lý kỹ thuật

- Ban lãnh đạo công ty tiến hành rà soát lại và kiện toàn bộ máy quản lý, xây dựng công ty thành đơn vị có chức năng chuyên sâu, vững mạnh trên cơ sở phát huy quyền chủ động sáng tạo, thể mạnh trên địa bàn, trong công tác vận hành nhà máy thủy điện.

- Tiến hành xây dựng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001: 2000 cho Bộ máy quản lý, điều hành trong toàn công ty. Áp dụng những thành tựu khoa học kỹ thuật vào trong công tác quản lý vận hành nhà máy. Khuyến khích CBCNV đề ra các giải pháp cải tiến các quy trình sản xuất và hoạt động nhằm nâng cao công suất hữu ích của nhà máy đạt được hiệu quả sản xuất.
 - Chấp hành quy trình công nghệ, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và máy móc, thiết bị. Thực hiện công tác bảo dưỡng máy móc thiết bị thường xuyên, định kỳ theo quy trình công nghệ, nâng cao số giờ hoạt động hiệu quả của máy móc thiết bị.
 - Công ty chủ trương lấy hiệu quả kinh tế là động lực phát triển, không ngừng ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty sẽ tiếp tục củng cố và mở rộng quy mô ngành nghề trên cơ sở những lĩnh vực mà Công ty có lợi thế và kinh doanh có hiệu quả trong giai đoạn trước, như sản xuất và kinh doanh điện, quản lý đầu tư, xây dựng các dự án thủy điện, tư vấn thiết kế nhà máy thủy điện, cung cấp nhân lực quản lý cho ngành thủy điện ...
- ❖ Với tầm nhìn chiến lược và những bước đi hợp lý. Kế hoạch doanh thu trong 03 năm 2009-2011 của Công ty đạt 309 tỷ trong suốt 03 năm 2009-2011 là rất thận trọng. Và kế hoạch lợi nhuận, cổ tức của công ty như trên có thể thực hiện được. Vì trong năm 2008, doanh thu công ty đã đạt được 343 tỷ. Công ty hoàn toàn có khả năng tạo được một vị thế cạnh tranh vững chắc trong ngành thủy điện nói riêng đang trên đà phát triển.

Bảng 27: Chi tiết kế hoạch doanh thu của công ty

NĂM	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Sản lượng điện sản xuất	triệu kWh	692	692	692
Sản lượng điện tự dùng	triệu kWh	6,92	6,92	6,92
Sản lượng điện thương phẩm	triệu kWh	685,08	685,08	685,08
Doanh thu sản xuất	triệu đồng	324.903	309.903	309.903
Giá bán điện	đồng/kWh	452,36	452,36	452,36
Giá thành sản xuất	đồng/kWh	369,91	348,91	337,81
Chi phí sản xuất điện	triệu đồng	253.416	239.029	231.430
Chi phí vận hành. bảo dưỡng	triệu đồng	39.630	39.674	39.674
Thuế tài nguyên	triệu đồng	10.380	10.380	10.380
Khấu hao TSCĐ	triệu đồng	127.000	126.575	126.776
Lãi vay	triệu đồng	76.406	62.400	54.600
Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	71.487	70.874	78.473
Thuế thu nhập doanh nghiệp	triệu đồng	17.872	17.718	19.618
Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	53.615	53.155	58.855
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ (%)	%	7,66%	7,59%	8,41%
Lợi nhuận khả dụng để trả cổ tức	triệu đồng	42.000	42.000	49.000
Tỷ lệ cổ tức (%)	%	6%	6%	7%
Vốn điều lệ (triệu đồng)	triệu đồng	700.000	700.000	700.000

Nguồn: Phương án SXKD của Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ

- Phương án này được lập dựa trên cơ sở giá điện mới công ty bán cho EVN.
- Tùy vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, dự toán có thể thay đổi căn cứ theo tình hình sản xuất kinh doanh thực tế có chiều hướng khả quan như hiện nay và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Dưới góc độ nhà tư vấn, Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam tại Tp. HCM, đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Kế hoạch chi trả cổ tức hàng năm của công ty đảm bảo được mức cổ tức cho các cổ đông cũng như mục tiêu mở rộng sản xuất kinh doanh của công ty. Đồng thời, dựa trên kết quả kinh doanh trong các năm qua, năng lực hiện tại của Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ, các dự án sẽ triển khai trong tương lai và mức tăng trưởng dự tính sắp tới của ngành. CN Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam tại Tp. HCM nhận thấy nếu không có những biến động bất thường ảnh hưởng nghiêm trọng đến công ty thì kế hoạch lợi nhuận mà công ty đề ra là có thể thực hiện được.
- Do sự thiếu hụt về cung cấp điện cùng với chính sách xây dựng một thị trường điện cạnh tranh tại Việt Nam, các nhà đầu tư có quyền kỳ vọng vào sự thay đổi về giá bán điện theo chiều hướng tăng, có lợi cho các doanh nghiệp phát điện. Xét về tổng thể, các nhà đầu tư có thể kỳ vọng vào tương lai của các cổ phiếu ngành điện trong dài hạn. Riêng công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ, vừa qua đã được EVN duyệt tăng giá bán điện cho EVN từ 404,46đ/kWh lên 452,36đ/kWh, cùng với công suất thiết kế lớn 150 MW (75MW*2 tổ máy) là một sự thuận lợi lớn cho tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong những năm tới.
- Mọi ý kiến trên đây được Chi nhánh Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam tại Tp. HCM đưa ra dưới góc độ là nhà tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, của ngành điện và của công ty. Những đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

- Không có

18. Các thông tin tranh chấp kiện tụng

- Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết: Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 70.000.000 cổ phiếu
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành
 - Số lượng cổ phiếu do cổ đông sáng lập nắm giữ là **55.962.400** cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng trong thời hạn 03 năm kể từ thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần (01/01/2008).
 - Số lượng cổ phiếu do các Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 14/2007/NĐ-CP. Theo đó, số cổ phần hạn chế chuyển nhượng đối với các thành viên này kể từ ngày niêm yết là **47.490** cổ phần (theo danh sách chốt ngày 18/05/2009)
5. **Phương pháp tính giá**
 - 5.1. **Phương pháp tính giá tham khảo cho nhà đầu tư theo phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF Method)**
 - ✓ Tốc độ tăng trưởng doanh thu qua các năm phụ thuộc khá lớn vào sản lượng điện và giá bán cho Tập đoàn điện lực Việt Nam. Giá bán điện của Thác Mơ được Tập đoàn điện lực Việt Nam quyết định trong thời gian 2008-2010 là 452.36 đồng/kWh.
 - ✓ Tỷ lệ giá vốn hàng bán trên doanh thu từ 2009-2012 là 54% và giữ mức 50% trong dài hạn.
 - ✓ Lãi suất vay bình quân qua các năm từ 12% đến 12.8%.
 - ✓ Thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 25% trong dài hạn.
 - ✓ Chúng tôi lập kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty căn cứ vào tình hình hoạt động trong quá khứ và các kế hoạch sản xuất kinh doanh trong tương lai của Công ty mà chúng tôi thu thập được.

STT	Chỉ tiêu	2009	2010	2011	2012	Dài hạn
01	Tốc độ tăng trưởng doanh thu thuần	-10%	0%	0%	5%	7.5%
02	Giá vốn hàng bán / Doanh thu thuần	54%	54%	54%	54%	50%
03	Chi phí quản lý (tăng trưởng)	17%	10%	10%	10%	10%
04	Chi phí bán hàng / Doanh thu thuần	0%	0%	0%	0%	0%
05	Thuế suất Thu nhập doanh nghiệp	25%	25%	25%	25%	25%
06	Thời gian hàng tồn kho bình quân (ngày)	5	5	5	5	5
07	Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	200	210	210	210	185
08	Kỳ thanh toán bình quân (ngày)	3	0	2	3	3
09	Tỷ lệ khấu hao TSCĐ hữu hình bình quân (%/năm)	6.5%	6.5%	6.5%	6.5%	6.5%
10	Lãi suất vay bình quân (%/năm)	12.4%	12.8%	12.5%	12%	12%

Dựa trên những giả định cơ bản hàng năm, thì phương pháp định giá chiết khấu dòng tiền – DCF cho ta kết quả sau:

 ĐỊNH GIÁ THEO PHƯƠNG PHÁP CHIẾT KHẤU DÒNG TIỀN – DCF METHOD

PHƯƠNG PHÁP CHIẾT KHẤU DÒNG TIỀN - DCF					
Đơn vị: triệu đồng	KH 2009	KH 2010	KH 2011	KH 2012	Dài hạn
Lợi nhuận sau thuế	49,158	57,604	62,660	73,331	100,387
Cộng:					
- Vay mới (trả nợ vay)	57,074	51,366	51,366	51,366	19,816
- Khấu hao	126,756	127,332	127,332	128,087	129,813
Trừ:					
- Đầu tư tài sản	89,222	172,125	117,053	178,351	178,351
- Đầu tư vốn lưu động	36,451	19,728	55,894	8,670	(14,939)
Dòng tiền tạo ra cho chủ sở hữu	107,316	44,449	68,412	65,763	70,696
Dòng tiền cuối kỳ					1,408,803
- Tốc độ tăng trưởng dài hạn					7.5%
Lãi suất chiết khấu	11%				
Hệ số chiết khấu	1.000	0.901	0.811	0.730	0.658
Hiện giá dòng tiền	107,316	40,027	55,477	48,024	46,490
Hiện giá dòng tiền cuối kỳ	-	-	-	-	1,408,803
Hiện giá dòng tiền trên cổ phiếu	1,533	572	793	686	13,672
Giá trị công ty	1,659,647				
Giá trị công ty (làm tròn)	1,659,650				
Giá cổ phiếu	17,255				
Giá cổ phiếu (làm tròn)	17,300				

PHÂN TÍCH ĐỘ NHẠY

PHÂN TÍCH ĐỘ NHẠY					
Giá trị công ty	Tốc độ tăng trưởng dài hạn				
		7.0%	7.5%	8.0%	8.5%
Lãi suất chiết khấu	10.0%	1,938,130	2,287,650	2,807,990	3,664,730
	10.5%	1,673,330	1,922,000	2,268,370	2,784,010
	11.0%	1,474,150	1,659,650	1,906,080	2,249,340
	11.5%	1,318,940	1,462,300	1,646,140	1,890,370

PHÂN TÍCH ĐỘ NHẠY					
Giá cổ phiếu	Tốc độ tăng trưởng dài hạn				
		7.0%	7.5%	8.0%	8.5%
Lãi suất chiết khấu	10.0%	20,500	23,900	29,000	37,300
	10.5%	17,600	20,000	23,300	28,300
	11.0%	15,500	17,300	19,600	22,800
	11.5%	13,900	15,200	16,900	19,100

Kết luận:

- Giá trị cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ với các giả định trên theo phương pháp chiết khấu dòng tiền là 17.300 đ/cp.
- Phân tích sự thay đổi về tốc độ tăng trưởng và lãi suất chiết khấu, mức giá của cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ dao động trong khoảng từ 13.900 – 37.300 đồng/cp.
- Đây là mức giá tham khảo cho nhà đầu tư, xác định dựa trên các giả thiết của mô hình định giá DCF.

5.2. ĐỊNH GIÁ BẰNG PHƯƠNG PHÁP SO SÁNH CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH – MULTIPLIERS METHOD.**➤ So sánh với các công ty cùng ngành trong nước****PHƯƠNG PHÁP SO SÁNH - MULTIPLIER METHOD**

Chỉ tiêu	Thời điểm	ĐVT	Vinh Sơn - VSH	Thác Bà - TBC	Cần Đơn - SJD	Nậm Mu - HJS	Nà Lơi - NLC	Thác Mơ
Vốn điều lệ	31/12/2008	Tr.đ	1,374,943	635,000	298,996	60,000	50,000	700,000
Vốn chủ sở hữu	31/12/2008	Tr.đ	2,141,120	785,546	370,911	78,568	87,551	782,082
Tổng tài sản	31/12/2008	Tr.đ	2,483,250	844,114	1,140,170	397,610	145,286	1,593,959
Doanh thu	2008	Tr.đ	483,680	244,628	240,447	37,809	45,218	343,002
LNST	2008	Tr.đ	370,945	162,323	35,437	9,239	20,435	69,072
ROA	2008	%	14.9%	19.2%	3.1%	2.3%	14.1%	4.3%
ROE	2008	%	17.3%	20.7%	9.6%	11.8%	23.3%	8.8%
ROS	2008	%	76.7%	66.4%	14.7%	24.4%	45.2%	20.1%
EPS	2008	đ	2,698	2,556	1,185	1,540	4,087	987
Giá trị sổ sách	31/12/2008	đ	15,572	12,371	12,405	13,095	17,510	11,173
Giá cổ phiếu	13/04/2009	đ	32,500	20,500	15,200	14,600	21,100	n/a
Vốn hoá thị trường	13/04/2009	Tr.đ	4,468,563	1,301,750	454,474	87,600	105,500	n/a
P/E	13/04/2009	lần	12.0	8.0	12.8	9.5	5.2	n/a
P/B	13/04/2009	lần	2.1	1.7	1.2	1.1	1.2	n/a
P/S	13/04/2009	lần	0.067	0.084	0.063	0.386	0.467	n/a
P/E trung bình	10.73							
P/B trung bình	1.85							
P/S trung bình	0.21							

➤ So sánh với các công ty thuộc khu vực Châu Á

PHƯƠNG PHÁP SO SÁNH - MULTIPLIER METHOD

Đơn vị: triệu USD @ tại thời điểm 31/12/2008	Nước	Unit	Vốn CSH	Tổng TS	Doanh thu	LNST	ROA	ROE	P/E @13/04/09	P/B @13/04/09	P/S @13/04/09
Thủy điện Thác Mơ	Việt Nam	USD bil	46	94	20	4	4.4%	6.1%	n/a	n/a	n/a
1 ChongQing FuLing Electric Power Ind Co.	Trung Quốc	USD bil	68	175	93	4	2.3%	5.6%	35.7	2.3	1.7
2 Chongqing Three Gorges Water Conservancy	Trung Quốc	USD bil	73	234	88	8	3.8%	10.0%	28.8	2.8	2.3
3 Ningbo Thermal Power Co., Ltd.	Trung Quốc	USD bil	57	85	128	4	5.0%	7.0%	34.6	2.5	1.1
4 Sichuan Guangan AAA Public Co., Ltd.	Trung Quốc	USD bil	51	187	67	2	1.3%	3.9%	74.3	3.4	3.0
5 Alstom Projects India Limited	Ấn Độ	USD bil	72	415	318	16	4.4%	22.4%	29.8	6.2	1.4
6 Entegra Ltd	Ấn Độ	USD bil	36	71	40	(0)	-0.1%	-0.1%	n/a	0.4	0.7
7 Mechmar Corporation (Malaysia) Berhad	Malaysia	USD bil	32	75	46	6	4.2%	14.2%	0.5	0.1	0.1
8 Eden Inc. Berhad	Malaysia	USD bil	91	194	68	(2)	-1.2%	-2.4%	n/a	0.3	0.5
9 SPC Power Corp.	Philippines	USD bil	62	71	29	9	12.7%	14.2%	9.8	1.4	3.0
10 Sahacogen (Chonburi) PCL	Thái Lan	USD bil	52	131	85	7	5.4%	13.9%	16.2	2.3	1.4
Trung bình các nước Châu Á							3.8%	8.9%	28.7	2.2	1.5
TRUNG BÌNH ĐIỀU CHỈNH									25.8	2.1	1.3

➤ **Định giá bằng phương pháp so sánh**

PHƯƠNG PHÁP SO SÁNH - MULTIPLIER METHOD						
	VIỆT NAM		THẾ GIỚI		TỔNG HỢP	
	P/E	P/B	P/E*	P/B*	P/E*	P/B*
Hệ số trung bình ngành	10.7	1.9	28.7	2.1	19.7	2.0
Hệ số nhân - Thủy điện Thác Mơ	867	11,173	867	11,173	867	11,173
Giá cổ phiếu - Thủy điện Thác Mơ	9,300	20,700	24,900	23,900	17,100	22,300
Trừ: chiết khấu thanh khoản	(930)	(2,070)	(4,980)	(4,780)	(2,565)	(3,345)
Giá cổ phiếu điều chỉnh - Thủy điện Thác Mơ	8,400	18,600	19,900	19,100	14,500	19,000

Ghi chú:

- P/E là hệ số P/E bình quân trong ngành điện tại Việt Nam.
- P/E * là hệ số P/E của một số công ty trong lĩnh vực điện năng trong khu vực Châu Á.
- P/E ** là hệ số P/E bình quân quốc tế.
- Tỷ lệ chiết khấu thanh khoản là 10% đối với Việt Nam và 20% đối với thị trường thế giới do thị trường Việt Nam kém thanh khoản hơn.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐỊNH GIÁ

➤ **Phương pháp chiết khấu dòng tiền**

- Với giả định lãi suất chiết khấu là 11%/năm, tốc độ tăng trưởng dài hạn của dòng tiền là 7.5%/năm, mức giá của cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ là 17.300 đồng/cp.
- Phân tích sự thay đổi về tốc độ tăng trưởng và lãi suất chiết khấu, mức giá của cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ dao động trong khoảng từ 13.900 – 37.300 đồng/cp.

➤ **Phương pháp P/E**

Sử dụng mức P/E tham khảo (tính theo EPS dự báo trong giai đoạn 2009-2012 là 867 đồng), mức giá của cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ là 14.500 đồng/cp.

➤ **Phương pháp P/B**

Sử dụng mức P/B tham khảo (tính theo giá trị sổ sách dự báo tại thời điểm 31/12/2008 là 11.173 đồng), mức giá của cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Mơ là 19.000 đồng/cp.

KẾT LUẬN

- Qua sự so sánh giữa các phương pháp tính giá trên, dự kiến giá niêm yết trên sàn HOSE một cổ phiếu Công Ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ là 20.000 đồng/cp.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với cổ đông là người nước ngoài. Vì vậy sau khi cổ phiếu của Công ty cổ phần Thủy điện Thác Mơ được giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 90/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của tổ chức phát hành.
- Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông là người nước ngoài tại Công ty tính đến ngày 18/05/2009

STT	Cơ cấu	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1.	Cá nhân nước ngoài	32.000	0,046%
2.	Tổ chức nước ngoài	1.692.392	2,42%
	Tổng cộng	1.724.392	2,466%

7. Các loại thuế có liên quan

- Theo nghị định số 109/2007/NĐ-CP ngày 26/06/2007 của chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 qui định chi tiết thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp (áp dụng cho kỳ tính thuế từ năm 2008) thì doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hóa sẽ không còn hưởng ưu đãi về miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho các năm sau khi cổ phần hóa.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm với thuế suất là 28%. Và từ 01/01/2009 thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giảm còn 25%, theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội thông qua tháng 6/2008.
- Theo thông tư số 42/2007/TT-BTC ngày 27/04/2007 của Bộ Tài Chính hướng dẫn chi tiết thi hành Pháp lệnh Thuế tài nguyên, theo đó thuế tài nguyên cho 1kWh điện là 15 đồng.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

- CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
 - Tầng 5-6, Số 136 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
 - Tel: (84-4) 7557 446 Fax: (84-4) 7557448
 - Website: uhyvietnam.com.vn

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

- CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM
 - Lầu 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội
 - Tel: (84-4) 39445888 Fax: (84-4) 39445 999
 - Website: www.vise.com.vn
- CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
 - Lầu 2, tòa nhà ITAXA, số 126 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
 - Tel: (84-8) 3930 2320 Fax: (84-8) 3930 2325
 - Website: www.vise.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II: Điều lệ công ty phù hợp với Điều lệ mẫu công ty niêm yết
3. Phụ lục III: Biên bản xác định giá trị tài sản (nếu có)
4. Phụ lục IV: Bản định giá trang thiết bị, nhà xưởng.... (nếu có)
5. Phụ lục V: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức niêm yết
6. Phụ lục VI: Báo cáo kiểm toán (nguyên văn báo cáo kiểm toán)
7. Phụ lục VII: Các báo cáo tài chính
8. Các phụ lục khác (nếu có)

Công ty Cổ phần Thủy Điện Thác Mơ

Giám Đốc

Bình Phước, ngày tháng năm 2009
Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

LÊ TUẤN HẢI

NGUYỄN THANH PHÚ

Trưởng Ban Kiểm Soát

Kế Toán Trưởng

CAO CHÍ MINH HÙNG

HUỲNH VĂN KHÁNH

Công ty Cổ phần chứng khoán Quốc Tế Việt Nam

Tổng Giám Đốc

PHẠM LINH